

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

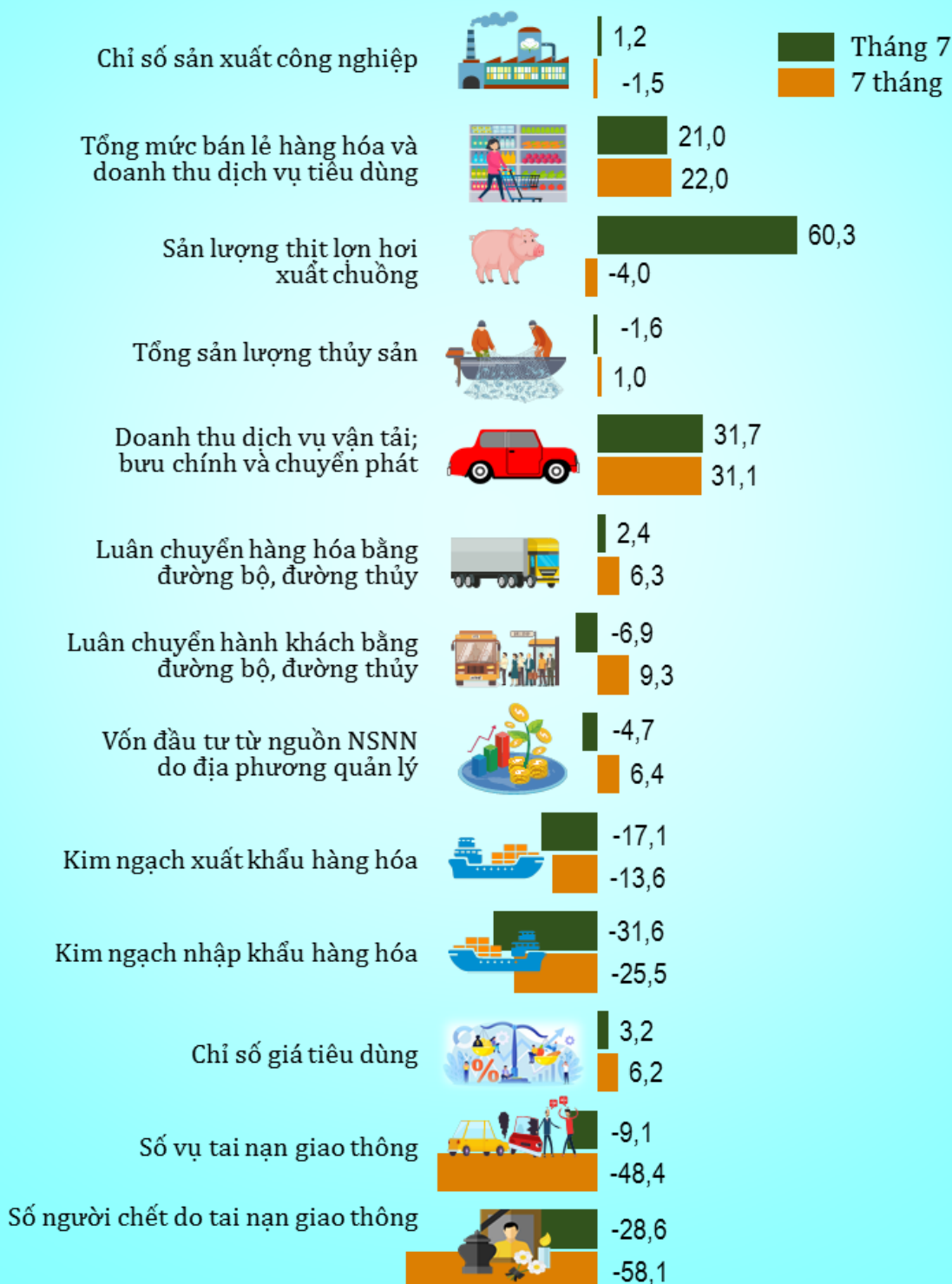
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THÁNG BẢY VÀ 7 THÁNG NĂM 2023

Đà Nẵng, tháng 7 năm 2023



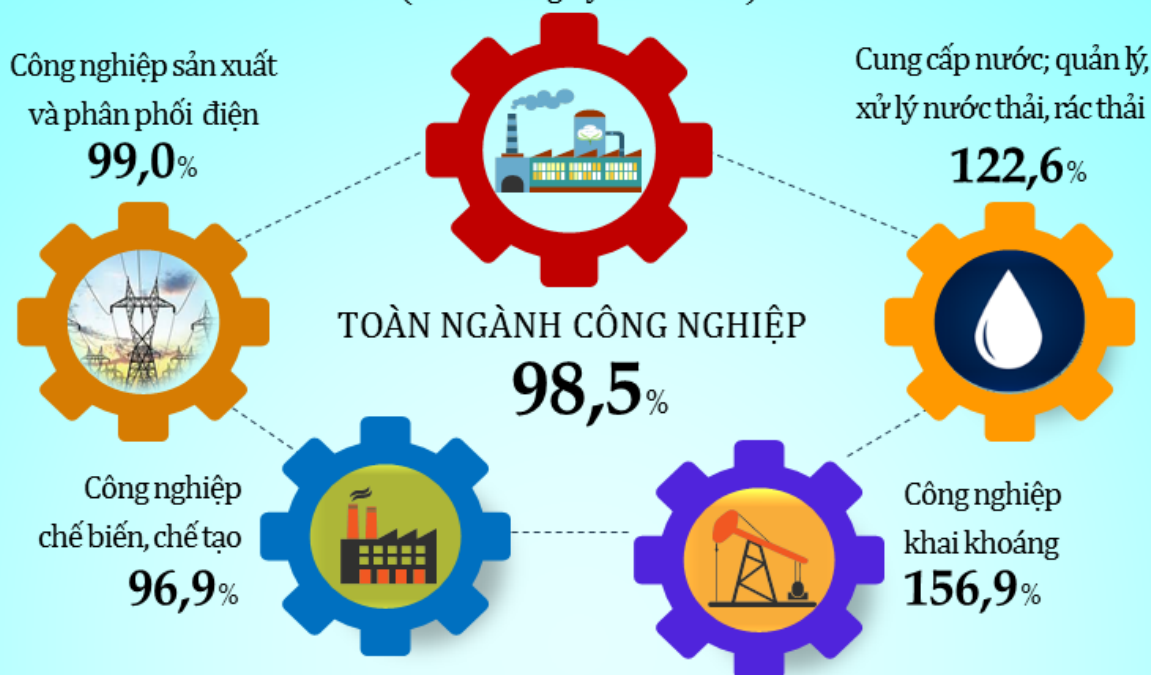
KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG NĂM 2023

TỐC ĐỘ TĂNG, GIẢM MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI
(So với cùng kỳ năm 2022)

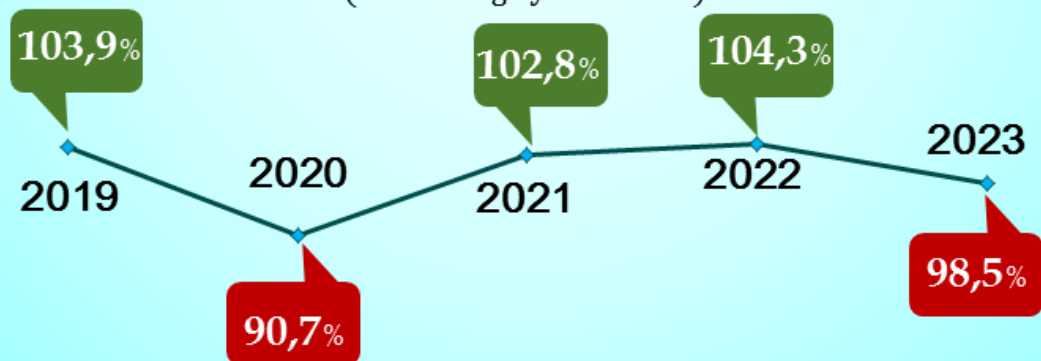


SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP BÌNH QUÂN 7 THÁNG NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)



CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP BÌNH QUÂN 7 THÁNG CÁC NĂM 2019 - 2023
(So với cùng kỳ năm trước)



MỘT SỐ CHỈ SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO 7 THÁNG NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm trước)



Chỉ số sản xuất
96,9%



Chỉ số sử dụng
94,3% lao động



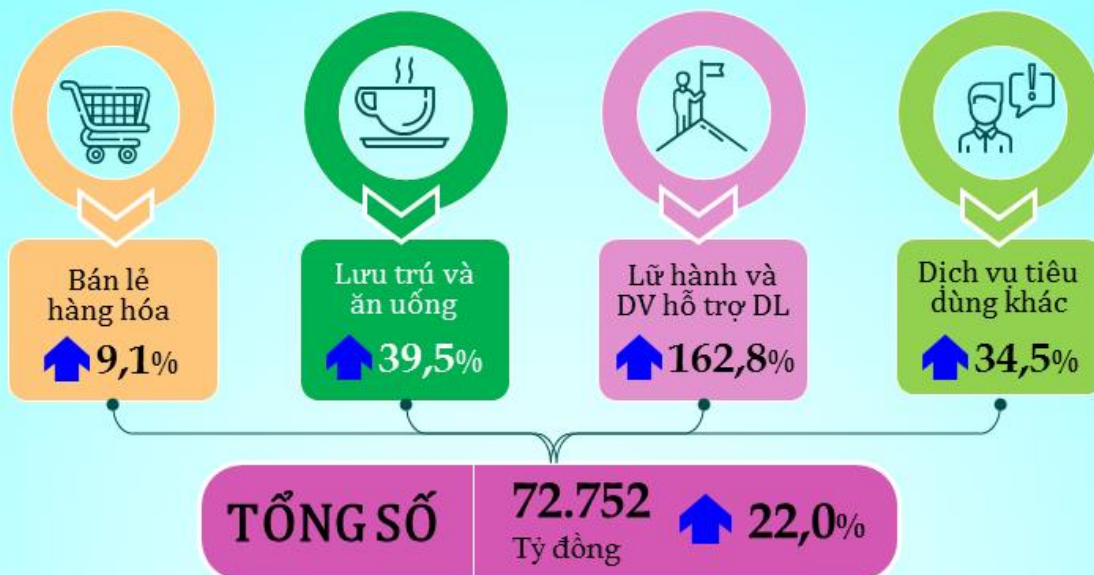
Chỉ số tiêu thụ
95,7%



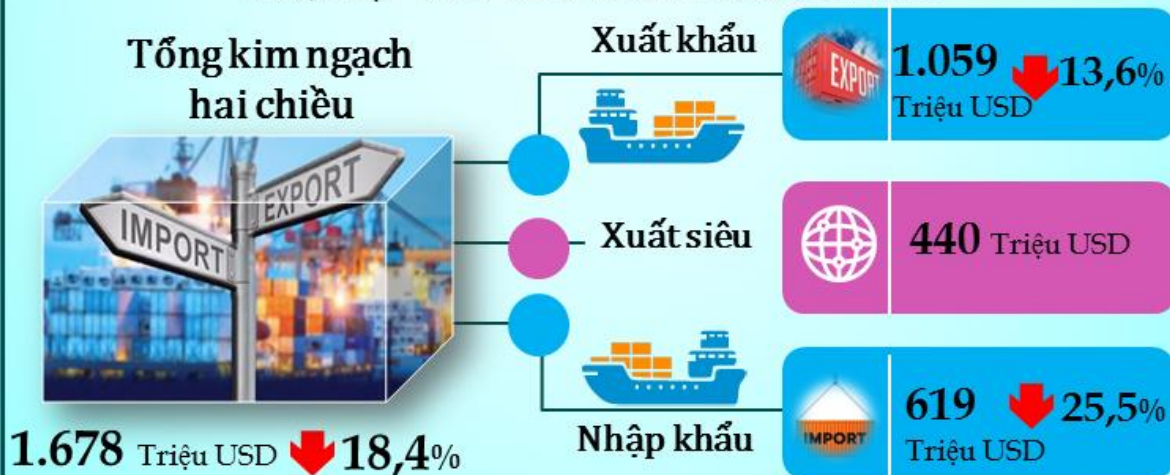
Chỉ số tồn kho thời
114,0% điểm 31/7

THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG
7 THÁNG NĂM 2023



XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 7 THÁNG NĂM 2023



KHÁCH DU LỊCH 7 THÁNG NĂM 2023



(▲ ▼ Tăng, giảm so với cùng kỳ năm 2022)

VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH

DOANH THU DỊCH VỤ VẬN TẢI, KHO BÃI, BƯU CHÍNH VÀ CHUYỂN PHÁT
7 THÁNG NĂM 2023

TỔNG SỐ

19.468

Tỷ đồng

↑ 31,1%



↑ 2,4%

Đường bộ,
đường sắt

Đường thủy

↑ 32,2%



↑ 59,8%

Đường
hàng không

Kho bãi và DV
hỗ trợ vận tải

↑ 28,7%



↑ 9,1%

DV bưu chính
và chuyển phát



VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG THỦY
7 THÁNG NĂM 2023

Vận tải hành khách

14.295 Nghìn lượt
Hành khách vận chuyển **↑ 15,7%**



444 Triệu HK.km
luân chuyển **↑ 9,3%**

Vận tải hàng hóa

25.761 Nghìn tấn
Hàng hóa vận chuyển **↑ 8,5%**



2.497 Triệu tấn.km
luân chuyển **↑ 6,3%**

(**↑** Tăng so với cùng kỳ năm 2022)

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

TRỒNG TRỌT TÍNH ĐẾN NGÀY 15/7/2023

Tổng diện tích gieo trồng cây
hàng năm

6.146 Ha ↓ **6,6%**



Diện tích gieo trồng một số loại cây

Lúa
4.570 Ha
↓ **5,3%**



Ngô
87 Ha
↓ **8,9%**



Khoai lang
107 Ha
↓ **4,6%**



Mía
233 Ha
↓ **15,0%**



Rau, đậu
606 Ha
↓ **11,7%**



SẢN PHẨM CHĂN NUÔI 7 THÁNG NĂM 2023



Thịt trâu
42 Tấn
↓ **6,1%**



Thịt bò
618 Tấn
↓ **4,8%**



Thịt lợn
2.287 Tấn
↓ **4,0%**



Thịt gia cầm
1.699 Tấn
↑ **27,9%**

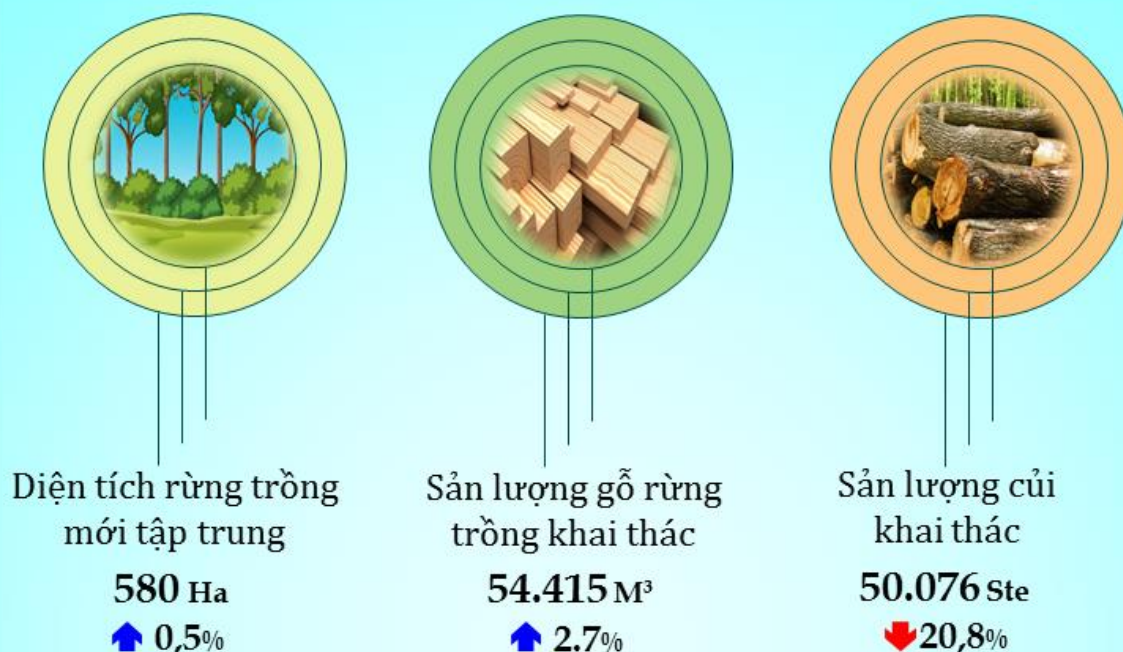


Trứng gia cầm
15.638 Nghìn quả
↑ **10,6%**

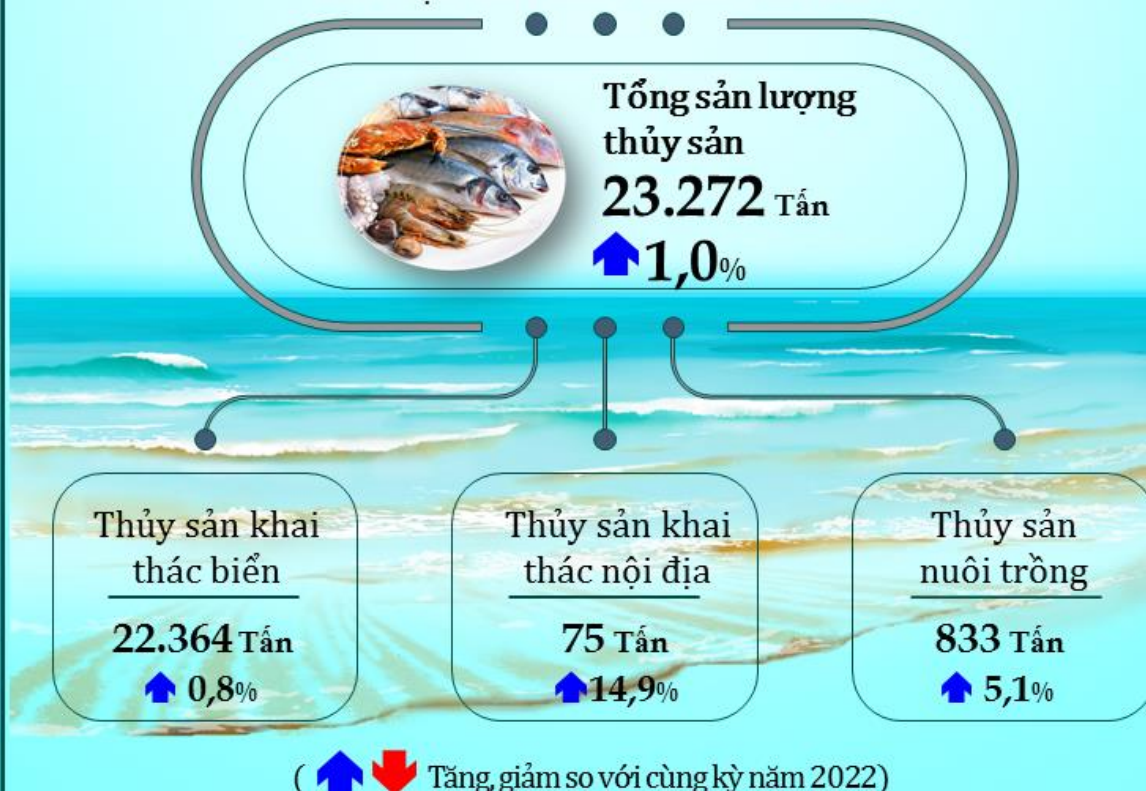
(↑ ↓ Tăng, giảm so với cùng kỳ năm 2022)

LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP 7 THÁNG NĂM 2023



LĨNH VỰC THỦY SẢN 7 THÁNG NĂM 2023



ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ 7 THÁNG NĂM 2023

So với kế hoạch

Đạt 45%



So với cùng kỳ

↑ 6,4%



Tổng vốn thực hiện

2.816 Tỷ đồng

THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI 7 THÁNG NĂM 2023

Dự án
điều chỉnh vốn

21 ↑ 16,7%

Triệu USD vốn đăng ký
mới và tăng thêm

27,5 ↓ 74,2%



70 ↑ 180,0%

Dự án cấp mới



18 ↓ 37,9%

Lượt góp vốn
mua cổ phần



THU HÚT ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC 7 THÁNG NĂM 2023

Dự án cấp mới

14

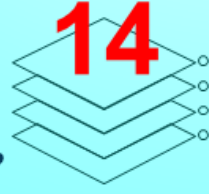
↓ 30,0%

Vốn đăng ký

39.674

Tỷ đồng

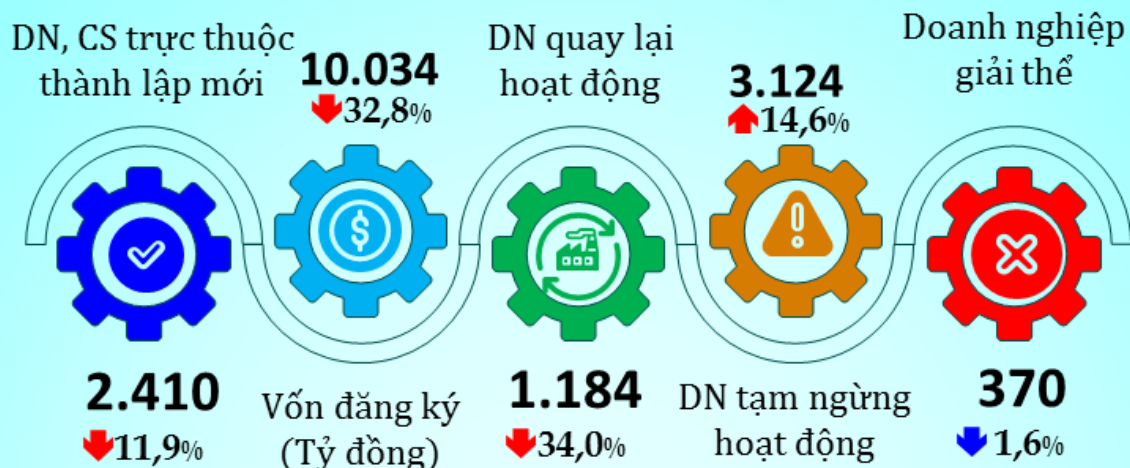
↑ 428,0%



(↑ ↓ Tăng, giảm so với cùng kỳ năm 2022)

DOANH NGHIỆP VÀ CHỈ SỐ GIÁ

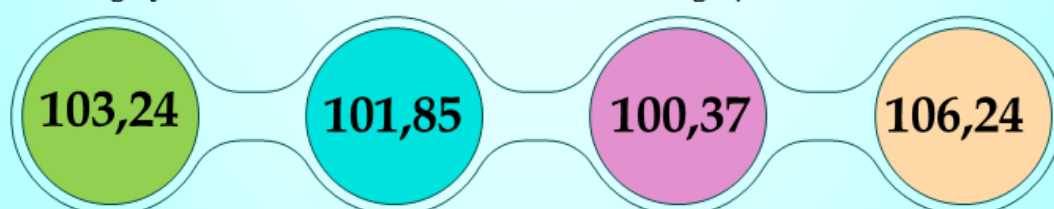
ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 7 THÁNG NĂM 2023
(Tính đến ngày 15/7/2023 - so với cùng kỳ năm 2022)



CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (%)

Tháng 7/2023
so với cùng kỳ 2022

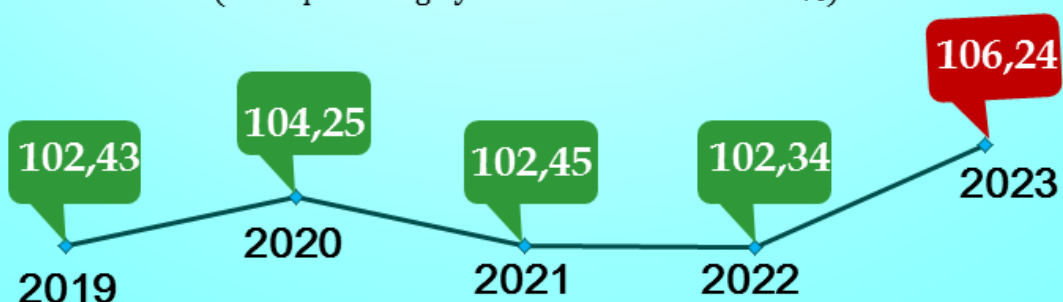
Tháng 7/2023
so với tháng 6/2023



Tháng 7/2023
so với tháng 12/2022

Bình quân 7 tháng 2023
so với bq cùng kỳ

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG BÌNH QUÂN 7 THÁNG CÁC NĂM 2019-2023 (Bình quân cùng kỳ năm trước = 100 - ĐVT: %)

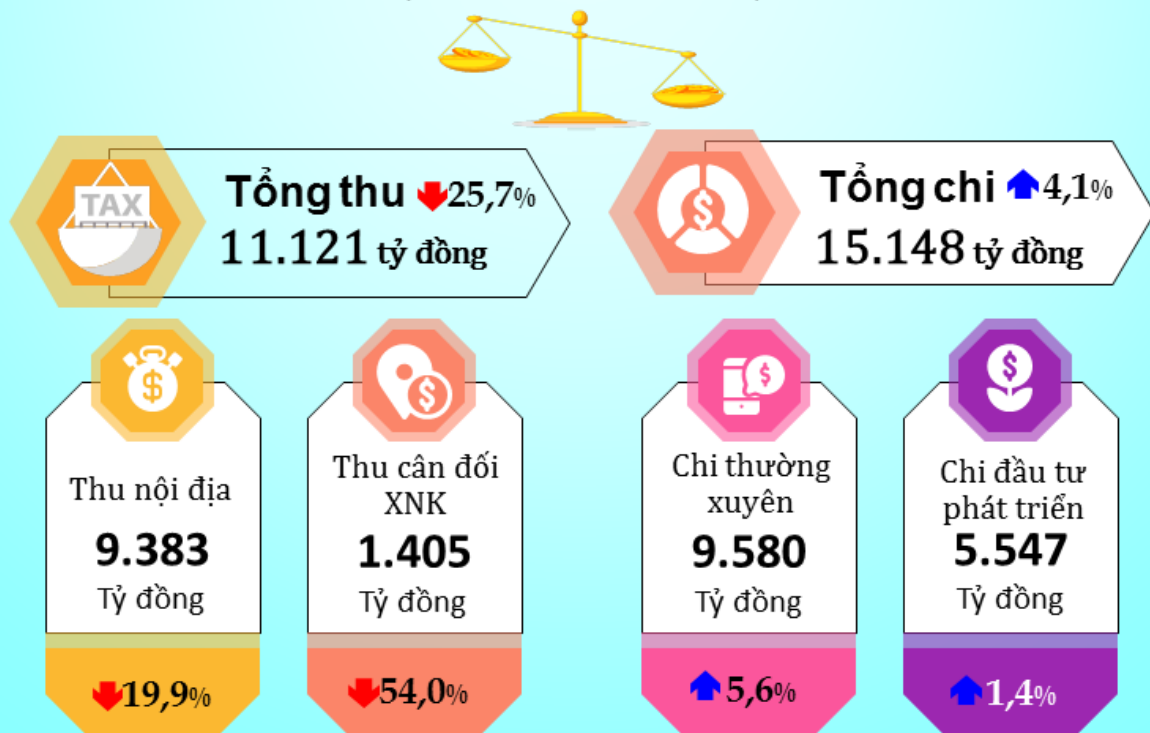


TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THỜI ĐIỂM 31/7/2023
(So với 31/12/2022 – ĐVT: Tỷ đồng)



THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN 7 THÁNG 2023
(Tính đến ngày 20/7/2023)



(↑ ↓ Tăng, giảm so với cùng kỳ năm 2022)

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

TÌNH HÌNH TAI NẠN GIAO THÔNG (Tính từ 15/12/2022 đến 14/7/2023)

28 Người
bị thương

↓ **36,4%**



18 Người
tử vong

↓ **58,1%**



32 Vụ TNGT
đường bộ

↓ **48,4%**

TÌNH HÌNH CHÁY, NỔ (Tính từ 15/12/2022 đến 14/7/2023)

51 Vụ cháy

↑ **27,5%**

Thiệt hại ước tính **77** Tỷ đồng



LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM (Tính từ 15/12/2022 đến 14/7/2023)

171

Vụ vi phạm,
phạt tiền 1,8
tỷ đồng



58 vụ vi phạm an toàn thực phẩm



39 vụ vi phạm xây dựng, MTĐT



74 vụ vi phạm khác về môi trường

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Tel: 0236.3827680 - Website: cucthongke.danang.gov.vn - Email: tonghopdna@gso.gov.vn

Số: /BC-CTK

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng Bảy và 7 tháng năm 2023

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

Tháng Bảy năm 2023, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tập trung sản xuất nông nghiệp với nhiệm vụ trọng tâm là chăm sóc cây trồng vụ Mùa, đặc biệt là cây lúa, đảm bảo lượng nước tưới tiêu cho các loại cây trồng trong điều kiện thời tiết nắng nóng kéo dài. Hoạt động chăn nuôi gia cầm phát triển tốt. Hoạt động sản xuất lâm nghiệp diễn ra tương đối thuận lợi, khai thác gỗ được triển khai tích cực. Các chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ được quan tâm và thực hiện đúng quy định.

a) Lĩnh vực trồng trọt

Trong tháng 07/2023, thành phố tập trung chỉ đạo, theo dõi sản xuất cây trồng vụ Mùa, tính đến thời điểm ngày 15/7, trên địa bàn thành phố đã gieo cấy được 2.131,6 ha lúa vụ Mùa, bằng 92,8% so với vụ Mùa năm 2022. Hầu hết, lúa được gieo cấy trong khung thời vụ tốt nhất, các trà lúa đã cấy phát triển tương đối tốt, các giai đoạn sinh trưởng: đứng cái (27,1 ha); cuối đẻ nhánh - đứng cái (2.088,7 ha); cuối đẻ nhánh (15,8 ha).

Đến giữa tháng Bảy, trên địa bàn thành phố đã gieo trồng được 1.575,7 ha cây hàng năm khác, bằng 89,7% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo trồng giảm ở hầu hết các loại cây, ngoại trừ cây mè tăng 7,8% và cây hoa tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2022. Một số loại cây đang ở giai đoạn sinh trưởng như: cây mè ra hoa, phát triển quả; cây ngô phát triển thân lá; cây mía giai đoạn tích lũy đường và thu hoạch.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng bị tác động nhiều từ quá trình quy hoạch, phát triển đô thị. Diện tích gieo trồng giảm do một phần đất nông nghiệp nằm trong ranh giới quy hoạch của các dự án lớn, quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng; một số diện tích đất bị nhiễm mặn và khan hiếm nước tưới nên phải tạm thời dừng canh tác.

Hiện nay, thời tiết nắng nóng ở nhiệt độ cao, điều kiện để một số sinh vật gây hại xuất hiện và sinh trưởng nhanh, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của

cây trồng. Trên các trà lúa xuất hiện rải rác một số loại sâu bệnh gây hại ở mức độ thấp như chuột, sâu cuốn lá... nhìn chung, hình hình sâu bệnh hại được kiểm soát. Một số ruộng cỏ nhiều, thiếu dinh dưỡng và cục bộ một số ruộng thiếu nước do chân ruộng cao.

Trong thời gian tới, các cơ quan chuyên ngành cần tăng cường công tác kiểm tra tình hình sản xuất, sinh vật hại và hướng dẫn nông dân chăm sóc và phòng trừ sinh vật hại kịp thời nhằm hạn chế mức thấp nhất của sâu bệnh hại gây ra. Tăng cường hỗ trợ thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, chú trọng công tác chống hạn, vận động nông dân tưới tiết kiệm nước, hạn chế thấp nhất tình trạng khô hạn xảy ra cho vụ Mùa.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

Thành phố tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh động vật, đặc biệt là bệnh dịch tả lợn Châu Phi, LMLM ở trâu bò và bệnh H5N1 trên đàn gia cầm. Tăng cường triển khai vệ sinh tiêu độc, khử trùng phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra vào cơ sở giết mổ; thực hiện việc tiêu độc, khử trùng tại các cơ sở giết mổ theo quy định.

Tháng 7/2023, tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phát triển tương đối ổn định, chăn nuôi đàn gia súc có xu hướng ngày càng thu hẹp, chiều ngược lại chăn nuôi gia cầm có xu hướng ngày càng mở rộng về quy mô.

Ước tính tháng 7/2023, tổng đàn gia súc trên địa bàn thành phố ước đạt 41,2 nghìn con, giảm 0,8% so với tháng trước và giảm 8,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó tổng đàn trâu đạt 1,7 nghìn con, giảm 14,0%; đàn bò đạt 12,2 nghìn con, giảm 23,3%; đàn lợn đạt 27,3 nghìn con, tăng nhẹ (+0,03%) so với cùng kỳ năm 2022.

So với cùng kỳ năm trước, chăn nuôi trâu, bò có xu hướng giảm dần do quá trình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp tăng nhanh, nhu cầu sử dụng sức kéo giảm dần. Bên cạnh đó, diện tích đồng cỏ chăn nuôi tự nhiên ngày càng bị thu hẹp dẫn đến việc tăng đàn còn nhiều hạn chế. Đàn lợn tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên chăn nuôi lợn vẫn gặp khó khăn khi giá thịt lợn hơi và giá thức ăn chăn nuôi biến động ngược chiều nhau. Mặc dù dịch bệnh được kiểm soát nhưng nguy cơ tiềm ẩn dịch tả lợn Châu Phi vẫn rất cao vì vậy người dân rất thận trọng khi tái đàn, bên cạnh đó phải được sự kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền thì người dân mới có thể tái đàn với số lượng lớn.

Tổng số đầu con đàn gia súc biến động giảm dần đến sản lượng thịt hơi xuất chuồng cũng giảm sâu so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thịt hơi gia súc xuất chuồng trong 7 tháng năm 2023 ước đạt 2.946,6 tấn, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, sản lượng thịt trâu hơi ước đạt 42,1 tấn giảm 6,1%; thịt bò hơi 617,9 tấn giảm 4,8%; thịt lợn hơi 2.286,6 tấn giảm 4,0% so với cùng kỳ năm trước.

Chăn nuôi gia cầm phát triển theo chiều hướng khá tốt, dịch bệnh trên đàn vật nuôi được kiểm soát chặt chẽ. Tháng 7/2023, đàn gia cầm ước đạt 1.310 nghìn con, tăng 34,5%, trong đó đàn gà đạt 761 nghìn con, tăng 33,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2023, sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 1.699,0 tấn, tăng 27,9%; sản lượng thịt gà hơi ước 1.182,2 tấn, tăng 9,3%; sản

lượng trứng gia cầm đạt 15,6 triệu quả, tăng 10,6%; riêng trứng gà đạt 12,3 triệu quả, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2022.

1.2. Lâm nghiệp

Thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR). Đẩy mạnh rà soát hiện trạng, phân vùng trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng và tình hình địa bàn năm 2023 để cập nhật bổ sung cho phương án bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng cấp thành phố, nhằm đảm bảo ngăn chặn và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh, giảm thiểu các thiệt hại do cháy rừng, phá rừng gây ra. Đồng thời tăng cường tuần tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm Luật Lâm nghiệp.

Tháng 7/2023, kết quả công tác phòng, chống cháy rừng: trên địa bàn thành phố không xảy ra phát lửa, gây cháy rừng. Công tác tuyên truyền, giáo dục: đã tổ chức 78 đợt phát thanh, truyền hình, 22 đợt truyền thanh lưu động. Công tác tuần tra, kiểm tra truy quét: toàn lực lượng đã tổ chức 71 đợt kiểm tra, truy quét tại rừng; kết quả: lâm phận ổn định, không phát hiện dấu hiệu tác động vào rừng. Tổ chức 12 đợt kiểm tra, tuần tra, kiểm soát lâm sản và ĐVHD trái phép.

Trong tháng, thành phố tập trung vào hoạt động bảo vệ và phòng chống cháy rừng, tiến hành chăm sóc diện tích rừng đã trồng và chuẩn bị cho rừng trồng cuối năm. Tính chung 7 tháng năm 2023, trên địa bàn thành phố phát sinh 580,4 ha diện tích rừng trồng mới, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 7/2023, sản lượng khai thác gỗ rừng trồng ước đạt 4,3 nghìn m³, tăng 7,9%; sản lượng củi khai thác đạt 8,6 nghìn ste, tăng 6,0% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung 7 tháng năm 2023, sản lượng khai thác gỗ rừng trồng đạt 54,4 nghìn m³, tăng 2,7%; sản lượng củi khai thác ước đạt 50,1 nghìn ste, giảm 20,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Thời gian tới, thành phố tiếp tục tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra nhằm ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng, mua bán, săn bắn, bẫy bắt động vật hoang dã trái phép, phòng cháy chữa cháy rừng tuyệt đối không để xảy ra điểm nóng về phá rừng, mua bán, lấn chiếm đất rừng, khai thác rừng trái phép, cháy rừng đặc biệt lưu ý vùng giáp ranh tỉnh Quảng Nam, tỉnh Thừa Thiên Huế, khu vực Bán đảo Sơn Trà và khu vực tiểu khu 27, 29, 39 đảm bảo không xảy ra khai thác vàng trái phép. Tiếp tục chú trọng triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2023; tăng cường công tác quản lý lực lượng phản ứng nhanh và giám sát việc xử lý thực bì đảm bảo không xảy ra cháy rừng. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, bảo dưỡng trang thiết bị PCCCR; sẵn sàng lực lượng, phương tiện khi có cháy xảy ra; đảm bảo duy trì chế độ thông tin liên lạc 24/24.

1.3. Thủy sản

Từ đầu năm đến nay, công tác kiểm tra đăng ký, đăng kiểm tàu cá và các điều kiện đảm bảo an toàn phương tiện được chú trọng; các chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ được cơ quan chuyên môn quan tâm và thực hiện tốt. Tiếp tục tập trung công tác kiểm tra các hoạt động về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (khai thác IUU).

Trong tháng 7/2023, tổng sản lượng các loại thủy sản khai thác và nuôi trồng trên địa bàn thành phố ước đạt 3.172,0 tấn, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước và giảm 2,1% so với tháng trước. Trong tháng, tình hình thời tiết trên biển tương đối thuận lợi, tạo điều kiện tốt cho các đội tàu ra khơi đánh bắt, tuy nhiên sản lượng thủy sản khai thác được nhìn chung thấp hơn so với cùng kỳ.

Cộng dồn 7 tháng năm 2023, tổng sản lượng các loại thủy sản khai thác và nuôi trồng là 23.272,0 tấn, tăng 1,0% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, cá đạt 19.635,2 tấn tăng 1,1%; tôm 787,3 tấn, giảm 8,2%; thủy sản khác 2.849,5 tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Lĩnh vực khai thác thủy sản: sản lượng thủy sản khai thác 7 tháng năm 2023 đạt 22.438,9 tấn, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, sản lượng khai thác thủy sản biển duy trì ở mức tăng nhẹ (+0,8%) so với cùng kỳ năm 2022. Mặc dù, sản lượng khai thác nội địa tăng ở mức 2 con số (+14,9%) so với cùng kỳ, nhưng do chiếm tỷ trọng rất nhỏ (0,3%) nên không tác động nhiều đến tốc độ tăng chung.

Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: tính đến thời điểm ngày 15/7/2023, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên địa bàn thành phố ước là 222,7 ha, trong đó: diện tích nuôi cá và thủy sản khác ước đạt 189 ha; diện tích nuôi tôm (tôm thẻ chân trắng) ước đạt 33,7 ha. Khu vực nuôi nước ngọt tiếp tục thu hoạch sản phẩm đạt kích cỡ thương phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng. Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong 7 tháng năm 2023 đạt 833,0 tấn, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm 2022.

2. Lĩnh vực công nghiệp

Mặc dù tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn; nhu cầu thị trường trong và ngoài nước chưa được hồi phục. Song, với nền tảng vĩ mô ổn định, cùng với các biện pháp đồng bộ được triển khai từ cấp trung ương đến địa phương, hoạt động sản xuất công nghiệp trong tháng 7 và 7 tháng năm 2023 trên địa bàn Thành phố đã có những tín hiệu phục hồi tích cực.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 07 năm 2023 ước tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung 7 tháng năm 2023, IIP toàn ngành công nghiệp giảm 1,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 3,1%; công nghiệp sản xuất và phân phối điện giảm 1,0%; hoạt động cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; hoạt động khai khoáng vẫn duy trì đà tăng trưởng cao, bình quân 7 tháng tăng lần lượt 22,6% và 56,9%.

Trong lĩnh vực chế biến, chế tạo, 7 tháng năm 2023 có một số ngành tăng trưởng khá, góp phần thu hẹp mức giảm chung, cụ thể ở một số ngành sau: sản xuất phương tiện vận tải khác (+42,0%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (+32,9%); sản xuất xe có động cơ (+27,5%); sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (+13,6%); sản xuất đồ uống (+17,9%)... Bên cạnh đó, vẫn còn một số ngành tiếp tục đối mặt với khó khăn trong sản xuất do chịu tác động bởi nguồn nguyên, phụ liệu nhập khẩu; mức độ phục hồi sản xuất còn khá chậm do khả năng chống chịu các nguồn vốn vay hạn chế, ảnh hưởng đến mức tăng của IIP

chung như: sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (-26,0%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) giảm 19,9%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (-14,6%) ...

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng 7/2023 có mức tăng cao so với tháng trước, cụ thể: bia các loại (+25,3%); clanhke xi măng (+31,3%); dịch vụ xử lý nước thải (+20,0%); xi măng Portland đen (+14,7%).. Bên cạnh đó cũng có một số sản phẩm giảm đáng kể so với tháng trước như: vỏ bào, dăm gỗ (-19,2%); cầu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại (-24,5%); bê tông trộn sẵn (bê tông tươi) giảm 12,1%...

Tính chung 7 tháng năm 2023, nhiều sản phẩm công nghiệp có khối lượng tăng vượt trội so với cùng kỳ, như: tôm đông lạnh (+27,8%); bộ phận và các phụ tùng của máy tính (+39,1%); bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ (+27,5%); các loại tàu khác (+42,0%)... Bên cạnh đó, trong 7 tháng qua cũng có nhiều sản phẩm công nghiệp có sản lượng giảm khá sâu so với cùng kỳ như: thịt cá đông lạnh (-42,5%); clanhke xi măng (-50,3%); đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người (-72,5%)...

Mặc dù chỉ số IIP so với tháng trước và so với cùng kỳ đều tăng. *Tuy nhiên, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến chế tạo* ước tính tháng 7/2023 lần lượt giảm (-3,0%) và (-2,9%) so với tháng trước và so với tháng cùng kỳ năm 2022, điều đó minh chứng cho cầu hàng hóa vẫn chưa được khôi phục. Tính chung 7 tháng năm 2023, chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 4,3% so với cùng kỳ. Trong đó, chỉ có 10/22 ngành có chỉ số tiêu thụ tăng, một số nhóm ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: ngành Dệt (+48,4%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (+69,6%); sản xuất xe có động cơ (+58,3%); sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (+12,9%), còn lại một số nhóm ngành mặc dù đạt chỉ số tăng dương nhưng mức tăng không đáng kể. Trong 12 nhóm ngành có chỉ số tiêu thụ giảm, một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm sâu, tác động đến chỉ số chung như: sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (-45,0%); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (-48,2%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (-36,5%); sản xuất đồ uống (-17,8%).

Chỉ số tồn kho ngành chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm cuối tháng 7/2023 tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 14,0% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, một số ngành có mức tồn kho tăng rất cao so với cùng kỳ do sản phẩm tiêu thụ chậm như: sản xuất chế biến thực phẩm (+158,9%); sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất (+121,7%); ngành Dệt (+72,5%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (+54,2%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+40,7%); sản xuất trang phục (+36,9%)... Một số ngành có mức tồn kho giảm sâu hơn mức tồn kho chung như: in, sao chép bản ghi các loại; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất kim loại...

Chỉ số sử dụng lao động toàn ngành công nghiệp tháng 7/2023 tăng 0,06% so với tháng trước nhưng giảm 6,5% so với cùng kỳ năm trước. Việc khó khăn trong quá trình tìm kiếm, phát triển thị trường trong nước và nước ngoài, nhất là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo... buộc các doanh nghiệp phải lên phương

án cắt, giảm lao động. Tính chung 07 tháng năm 2023, chỉ số sử dụng lao động giảm 5,6% so với cùng kỳ, trong đó, các ngành chủ lực trên địa bàn đều bị sụt giảm, cụ thể: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 5,7%; công nghiệp sản xuất và phân phối điện giảm 2,5%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 5,2%. Riêng hoạt động công nghiệp khai khoáng tăng 23,1% so với cùng kỳ.

Xét theo loại hình kinh tế, lao động khu vực nhà nước giảm nhẹ 0.6%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 3,9%; riêng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) giảm 17,6%. Nguyên nhân chính là do doanh nghiệp thiếu vắng đơn hàng, đặc biệt là đơn hàng xuất khẩu nên buộc phải cắt giảm lao động làm việc.

Xét theo ngành hoạt động, một số ngành có chỉ số sử dụng lao động khá thấp như: sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (-19,8%); sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (-8,8%). Một số ngành chỉ số sử dụng lao động cao hơn mức tăng chung như: thoát nước và xử lý nước thải; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị...

3. Thương mại và dịch vụ

Các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn đang dần ổn định, trong đó hoạt động thương mại-dịch vụ diễn ra sôi động với nhiều chương trình kích cầu, kết nối, xúc tiến thương mại được triển khai nhằm phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng đã đề ra.

3.1. Thương mại hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2023 ước đạt 11.695 tỷ đồng, tăng 6,8% so với tháng trước; tăng 21,0% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung 7 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 72.752 tỷ đồng, tăng 22,0% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 39,5%; du lịch lữ hành tăng 162,8%.

a) Lĩnh vực thương mại hàng hoá

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 7 năm 2023 ước đạt 5.973 tỷ đồng, tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, bán lẻ trong siêu thị ước đạt 284 tỷ đồng tăng 5,4% so với tháng trước và tăng 3,5% so với tháng cùng kỳ năm 2022.

So với tháng 6 năm 2023 hầu hết các nhóm ngành đều tăng, trong đó: vật phẩm văn hóa giáo dục (+8,8%); gỗ và vật liệu xây dựng (+5,8%); hàng may mặc (+3,9%); đồ dùng trang thiết bị gia đình (+3,1%); phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) tăng 3,0%; ô tô các loại (+2,9%); nhiên liệu khác trừ xăng dầu (+2,8%); xăng dầu các loại (+2,4%)... Riêng 2 nhóm ngành sữa chữa xe có động cơ và hàng hóa khác giảm lần lượt (-3,3%) và (-0,2%).

So với cùng kỳ năm trước, tổng mức bán lẻ trong tháng 7 ước tăng 9,1% trong đó: gỗ và vật liệu xây dựng (+58,7%); hàng hóa khác (+40,8%), lương thực thực phẩm (+17,0%); đồ dùng trang thiết bị gia đình (+11,4%)... Đối với một số

nhóm ngành trong đó có nhóm ngành Ô tô các loại, do quý III năm 2022 được xem là đỉnh của tăng trưởng sau một thời gian dài hoạt động kinh tế bị đình trệ bởi dịch Covid. Năm nay, khi tình hình kinh tế gặp phải khó khăn kéo dài, nhu cầu chi tiêu các mặt hàng không thiết yếu bị cắt giảm, dẫn đến một số nhóm hàng có sự sụt giảm mạnh trong đó điển hình là Ô tô các loại (-22,6%) so với cùng kỳ. Mặt khác thời điểm đó do ảnh hưởng của chiến sự giữa Nga và Ukraina làm cho giá nhiên liệu như xăng, dầu tăng cao (nếu như cùng thời điểm này năm ngoái giá xăng 95 có giá 29.670 đồng/lít, giá gas 451.000 đồng/12kg thì hiện tại xăng 95 chỉ còn 21.910 đồng/lít, giá gas 369.000 đồng/12kg), đây cũng chính là một trong những nguyên nhân khiến nhóm nguyên nhiên vật liệu khác giảm 10,3% và nhóm xăng dầu giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Tính chung 7 tháng năm 2023 tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 39.409 tỷ đồng tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, 8/11 nhóm hàng hóa có doanh thu tăng so với cùng kỳ năm 2022, đặc biệt có một số nhóm doanh thu tăng khá cao như: đồ dùng, trang thiết bị gia đình (+23,4%); gỗ và vật liệu xây dựng (+24,6%); nhiên liệu khác trừ xăng, dầu (+23,4%). Bên cạnh đó, có 3/11 nhóm hàng có doanh thu giảm gồm: hàng may mặc; ô tô các loại; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng).

Hoạt động bán buôn hàng hóa tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong khâu tiêu thụ, đặc biệt đối với các mặt hàng xuất khẩu. Tổng mức bán buôn hàng hóa tháng 7/2022 ước đạt hơn 11.903,5 tỷ đồng, tăng 3,3% so với tháng trước nhưng giảm 9,5% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung 07 tháng năm 2023, tổng mức bán buôn hàng hóa ước đạt 74.597 tỷ đồng, giảm 14,9% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, một số nhóm hàng có doanh thu giảm mạnh như: nhiên liệu khác không phải xăng, dầu (-26,6%); phân bón, thuốc trừ sâu (-26,3%); ô tô các loại (-23,7%); phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) giảm 21,9%... Trong hầu hết các nhóm hàng đều có mức giảm sâu thì duy nhất có nhóm hàng vật phẩm văn hóa, giáo dục đạt mức tăng trưởng dương với mức tăng khá ấn tượng (+62,5%).

b) Hoạt động du lịch

Hoạt động du lịch Đà Nẵng đang từng bước được phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Các sự kiện, lễ hội liên tục được tổ chức, góp phần tạo không khí sôi động, tươi mới thu hút đông đảo du khách trong nước và quốc tế đến tham quan, trải nghiệm. Hòa cùng chuỗi sự kiện "Lễ hội Tận hưởng mùa hè 2023-Wow Đà Nẵng" nhiều đơn vị đã nâng cấp, đầu tư mới các sản phẩm du lịch, nghỉ dưỡng, mang đến cho người dân và du khách nhiều hoạt động mới lạ và ấn tượng, góp phần định vị Đà Nẵng - Điểm đến du lịch hàng đầu Châu Á, điển hình như: Lễ hội mùa hè "Bà Nà Wow Summer Festival"; lễ hội ẩm thực và bia 2023 B'festival; tuần lễ văn hóa Hàn Quốc, Pháp; show diễn chủ đề "Hoạt động Bà Nà By Night - Vui mê say" (tại khu du lịch Bà Nà Hills); các hoạt động mới tại Công viên suối khoáng Núi Thần Tài. Đặc biệt, việc tổ chức trở lại Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng sau 03 năm tạm dừng vì dịch bệnh đã tạo nên không khí rộn ràng, sôi động cho thành phố trong những tháng đầu năm 2023.

Dự ước tháng 7 năm 2023, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 2.185,2 tỷ đồng, tăng 6,3% so với tháng trước và tăng 30,7% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Trong đó, doanh thu lĩnh vực lưu trú ước đạt 1.012 tỷ đồng, tăng 32,4% cùng kỳ; lĩnh vực ăn uống ước đạt 1.173 tỷ đồng, tăng 29,2% so với cùng kỳ.

Tính chung 7 tháng năm 2023, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 12.986 tỷ đồng, tăng 39,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, doanh thu lĩnh vực lưu trú ước đạt 5.420 tỷ đồng, tăng 70,3%; lĩnh vực ăn uống đạt 7.566 tỷ đồng, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Số lượt khách cơ sở lưu trú phục vụ trong tháng 7 năm 2023 ước đạt gần 782 nghìn lượt, tăng 5,3% so với tháng trước và tăng 78,5% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Trong đó, khách quốc tế ước đạt 204,6 nghìn lượt, tăng 8,7% tháng trước và tăng 212,1% so với tháng cùng kỳ; khách du lịch trong nước ước đạt 577,2 nghìn lượt, tăng 4,1% so với tháng trước và tăng 54,9% so với tháng cùng kỳ năm 2022.

Tính chung 7 tháng năm 2023, tổng số lượt khách do cơ sở lưu trú phục vụ ước đạt 4.326,5 nghìn lượt, tăng 110,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, khách quốc tế 1.144 nghìn lượt, cao gấp 7,7 lần cùng kỳ; khách trong nước 3.182,8 nghìn lượt, tăng 66,7% so với cùng kỳ. Số ngày lưu trú bình quân của khách ngủ qua đêm tính chung 7 tháng là 1,75 ngày/lượt, trong đó khách quốc tế là 2,27 ngày/lượt; khách trong nước là 1,44 ngày/lượt (cùng kỳ năm 2022: 2,52 ngày/lượt đối với khách chung; 2,19 ngày/lượt đối với quốc tế và 2,55 ngày/lượt đối với khách trong nước).

Tiếp nối thành công với danh hiệu “Điểm đến sự kiện và lễ hội hàng đầu châu Á 2022” (Asia’s Leading Festival and Event Destination 2022) do World Travel Awards trao tặng. Năm 2023, du lịch Đà Nẵng đã và sẽ hứa hẹn mang đến nhiều lễ hội, sự kiện Đà Nẵng hoành tráng hơn nữa phục vụ người dân, du khách trong và ngoài nước.

c) Dịch vụ tiêu dùng khác

Bên cạnh sự phục hồi tích cực của hoạt động du lịch, nhiều nhóm dịch vụ tiêu dùng khác như: hoạt động vui chơi, giải trí, karaoke, mát-xa, spa, quán bar, dịch vụ làm đẹp... cũng đang có xu hướng tăng trưởng ấn tượng.

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 7 năm 2023 ước đạt 2.946 tỷ đồng, tăng 15,9% so với tháng trước và tăng 32,1% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2023, doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 17.740 tỷ đồng, tăng 34,5% so với cùng kỳ năm 2022. Một số dịch vụ có mức tăng cao vượt trội trong 7 tháng phải kể đến như: dịch vụ giáo dục và đào tạo(+123,5%); dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí (+33,4%); dịch vụ hành chính, hỗ trợ (+78,0%)...Hoạt động kinh doanh bất động sản tính cho tiêu dùng tuy có tín hiệu tích cực trong tháng 7 từ phân khúc nhà ở xã hội, căn hộ chung cư đến kỳ mở bán nhưng vẫn là nhóm ngành nằm trong nguy cơ khó khôi phục trong ngắn hạn bởi thanh khoản thị trường khá thấp và tiếp tục gặp nhiều khó khăn về vốn và thủ tục pháp lý. Trong tháng 7/2023, doanh thu dịch vụ kinh doanh bất động sản tính cho tiêu dùng ước đạt 662,4 tỷ đồng, tăng gấp 3,1 lần so với tháng trước, giảm 27,1%

so với cùng kỳ năm trước. Dự tính 7 tháng năm ước tính đạt 2.878 tỷ đồng, giảm 33,4% so với 7 tháng năm 2022.

3.2. Hoạt động vận tải; bưu chính và chuyển phát

Nhu cầu đi lại của người dân và du khách trong và ngoài nước những tháng hè tại Đà Nẵng tăng cao đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận tải tiếp tục tăng trưởng mạnh. Việc triển khai và đưa vào hoạt động dịch vụ thí điểm xe đạp công cộng nhằm kết nối với phương tiện xe buýt và các dịch vụ vận chuyển khác góp phần tạo điểm nhấn cho hoạt động du lịch, dịch vụ tại Đà Nẵng. Bên cạnh đó, việc triển khai áp dụng vé điện tử QRCode cho hành khách tham gia giao thông bằng xe buýt và đa dạng các hình thức tuyên truyền đã góp phần nâng cao hoạt động "kinh tế số" trên địa bàn.

Tổng doanh thu toàn ngành vận tải; bưu chính và chuyển phát tháng 7 năm 2023 ước đạt 2.856 tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 31,7% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Tính chung 7 tháng năm 2023, tổng doanh thu toàn ngành vận tải; bưu chính và chuyển phát ước đạt gần 19.468 tỷ đồng, tăng 31,1% so với cùng kỳ, trong đó, vận tải đường bộ, đường sắt đạt 4.467 tỷ đồng, tăng 2,4%; đường thủy 69,6 tỷ đồng, tăng 32,2%; đường hàng không 8.348 tỷ đồng, tăng 59,8%; kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải 5.926 tỷ đồng, tăng 28,7%; hoạt động bưu chính và chuyển phát 658,7 tỷ đồng, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2022.

a) Vận tải hành khách

Doanh thu vận tải hành khách tháng 7 năm 2023 ước đạt 1.336 tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 61,4% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Tính chung 7 tháng năm 2023 doanh thu vận tải hành khách ước đạt gần 9.220 tỷ đồng tăng 54,2% so với cùng năm trước.

Số lượng hành khách vận chuyển bằng đường bộ, đường thủy trong tháng ước đạt 1,94 triệu lượt, giảm 0,6% so với tháng trước và tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2022; số lượng hành khách luân chuyển ước đạt 59,9 triệu lượt.km, giảm lần lượt (-5,0%) và (-6,9%) so với tháng trước và so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng năm 2023 số lượng hành khách vận chuyển, luân chuyển bằng đường bộ, đường thủy tăng lần lượt (+15,7%) và (+9,3%).

Góp phần vào mức tăng chung doanh thu hoạt động vận tải hành khách trong 7 tháng năm 2023 chính là hoạt động của ngành vận tải đường thủy nội địa và đường hàng không. Với việc ban hành Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 ban hành kế hoạch phát triển vận tải hành khách đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, xây dựng nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách đường thủy nội địa, đáp ứng như cầu phát triển kinh tế xã hội thành phố đã tạo điều kiện cho các đơn vị khai thác khách du lịch ven biển trở lại hoạt động khá hiệu quả. Bên cạnh đó, công tác kích cầu, quảng bá sản phẩm, thương hiệu Đà Nẵng của các đơn vị truyền thông cũng như người dân Thành phố đã góp phần thúc đẩy ngành du lịch phát triển, kéo theo các hoạt động phụ trợ đạt mức tăng trưởng ấn tượng, điển hình là dịch vụ vận

tải đường thủy nội địa tăng gấp 8,4 lần; vận tải hàng không tăng 59,8% so với cùng kỳ năm 2022.

b) Vận tải hàng hóa

Doanh thu vận tải hàng hóa tất cả các loại đường tháng 7 năm 2023 ước đạt 565 tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước nhưng giảm 6,5% so với tháng cùng kỳ năm trước. Ước tính 7 tháng năm 2023, doanh thu vận tải hàng hóa đạt 3.663 tỷ đồng, tăng 0,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ và đường thủy tháng 7 năm 2023 ước đạt 4,1 triệu tấn, tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 5,6% so với tháng cùng kỳ năm 2022; hàng hóa luân chuyển ước đạt 368,9 triệu tấn.km, tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung 7 tháng năm 2023, vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy tăng 8,5% và luân chuyển tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2022.

c) Dịch vụ hỗ trợ vận tải; bưu chính và chuyển phát

Trong tháng 7 năm 2023 doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát ước đạt được 955 tỷ đồng tăng 2,8% so với tháng trước và tăng 29,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2023 doanh thu nhóm dịch này đạt 6.584 tỷ đồng, tăng 26,4% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân tăng chủ yếu do doanh thu các đại lý bán vé máy bay; dịch vụ hỗ trợ qua Cảng và dịch vụ Nhà ga quốc tế tăng. Riêng doanh thu bưu chính, chuyển phát do nhu cầu mua sắm online hiện khá phổ biến đã góp phần làm tăng doanh thu dịch vụ chuyển phát.

4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Từ 16/6/2023 đến 15/7/2023, thành phố Đà Nẵng đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cho 355 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện với tổng vốn điều lệ đăng ký đạt 1.170,3 tỷ đồng, giảm lần lượt 21,0% về số lượng doanh nghiệp và giảm 38,0% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2022.

Tính chung 7 tháng năm 2023 (tính đến 15/7/2023), thành phố đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 2.410 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện, tổng vốn điều lệ đăng ký 10.034 tỷ đồng; giảm 11,9% về số lượng doanh nghiệp và giảm 32,8% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2022. Cũng trong 7 tháng, có 370 doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc hoàn tất thủ tục giải thể, rời khỏi thị trường, giảm 1,6% so với cùng kỳ; có 3.124 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện xin tạm ngừng hoạt động, tăng 14,6%. Trong khi đó, số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc quay trở lại hoạt động chỉ có 1.184 doanh nghiệp, giảm 34,0% so với cùng kỳ 2022. Bên cạnh đó, trong gần 7 tháng năm 2023 Thành phố đã tiến hành thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với 544 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc với số vốn giảm là 2.628 tỷ đồng; tổng số hồ sơ liên quan đến đăng ký doanh nghiệp tiếp nhận và xử lý trong 07 tháng là 15.563 hồ sơ, trong đó có 11.516 hồ sơ trực tuyến (chiếm tỷ lệ 74%).

5. Giá cả thị trường

5.1. Chỉ số giá tiêu dùng

Giá xăng dầu, giá điện nước sinh hoạt, giá dịch vụ giao thông công cộng tăng... là những yếu tố chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tháng 7 năm 2023 tăng so với tháng 6/2023. Giá cả hàng hóa tăng trước thêm tăng lương cơ sở, các cơ quan chức năng cần có những giải pháp điều hành, ổn định giá cả thị trường, bảo đảm đời sống của người dân.

CPI tháng 7/2023 tăng 0,37% so tháng trước, tăng 3,24% so với cùng kỳ năm trước, tăng 1,85% so với tháng 12 năm 2022. CPI bình quân 7 tháng năm 2023 tăng 6,24% so với bình quân cùng kỳ năm 2022.

Trong mức tăng 0,37% của chỉ số giá tiêu dùng so với tháng trước có 8 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng; 01 nhóm hàng có chỉ số giá giảm và 02 nhóm hàng có mức giá ổn định.

Các nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng so với tháng trước, bao gồm: hàng hóa và dịch vụ khác (+2,25%); văn hóa, giải trí và du lịch (+0,95%); nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD (+0,76%); đồ uống và thuốc lá (+0,39%); giao thông (+0,31%); thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,25%); hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,14%); thuốc và dịch vụ y tế (+0,03%).

Những nguyên nhân chính làm CPI nhiều nhóm hàng hóa, dịch vụ tăng giá so với tháng trước, đó là: giá xăng dầu được điều chỉnh vào các ngày trong tháng (ngày 3/7, 11/7, 21/7) làm cho chỉ số giá dầu hỏa tăng 3,44%, dầu diesel tăng 3,91% theo sự điều chỉnh của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Dịch vụ giao thông công cộng tăng giá mạnh (+11,87%), trong đó dịch vụ vận tải hành khách bằng đường sắt tăng 3,96%, dịch vụ vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng mạnh 26,17% so với tháng trước. Từ ngày 1/7/2023, mức lương cơ bản được điều chỉnh tăng, nên bảo hiểm y tế ở một số nhóm đối tượng cũng được điều chỉnh tăng theo làm cho chỉ số giá nhóm bảo hiểm y tế tăng 20,81%. Giá nhà ở cho thuê tăng 0,51% so với tháng trước do một số chủ thuê trọ tăng giá theo mặt bằng giá cả chung của thị trường. Một số các mặt hàng có giá tăng, trong đó thịt heo tăng giá so với tháng trước làm cho nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng giá. Tình hình thời tiết nắng nóng trên diện rộng khiến nhu cầu sử dụng của người dân tăng cao làm cho giá điện sinh hoạt, nước sinh hoạt tăng lần lượt là 3,87% và 0,76% so với tháng trước. Các chi phí đầu vào tăng giá làm cho giá dịch vụ hiếu hỉ tăng 0,15%. Trong tháng, thành phố diễn ra lễ hội bắn pháo hoa quốc tế, nên các dịch vụ du lịch cũng tăng giá do nhu cầu tăng cao (tour du lịch tăng giá, khách sạn tăng giá...).

Nhóm bưu chính viễn thông có chỉ số giá giảm (-0,19%) so với tháng trước. Nguyên nhân là tháng 7/2023, giá bán lẻ gas tại thành phố Đà Nẵng giảm 2,64% so với tháng trước do chính sách điều chỉnh giá gas, giảm 10 nghìn đồng/ bình 12 kg, (giảm từ 379 nghìn đồng/bình xuống 369 nghìn đồng/bình) giá gas giảm theo sự điều tiết của giá gas trong nước. Nhóm giá vật liệu xây dựng giảm 0,42% do một số vật liệu xây dựng giảm do nhu cầu xây dựng ở tháng này không cao. Giá đồ trang

sức giảm do giá vàng tăng giá tư nhân giảm giá so với tháng trước. Một số mặt hàng thiết bị điện thoại giảm do thực hiện các chương trình khuyến mãi làm cho chỉ số giá nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,41% so với tháng trước.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép và nhóm giáo dục có chỉ số giá tiêu dùng bình ổn so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 7 tháng năm 2023 tăng 6,24% so với cùng kỳ năm trước, trong khi bình quân 7 tháng cùng kỳ năm 2022 tăng ít hơn (+2,34%). Nhóm hàng hóa và dịch vụ có mức tăng cao hơn mức tăng chung, đó là: nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+15,60%); giáo dục (+11,37%); may mặc, mũ nón và giày dép (+6,61%). Nhóm hàng hóa và dịch vụ có mức tăng thấp hơn mức tăng chung, cụ thể: hàng hóa và dịch vụ khác (+6,14%); hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+5,93%); đồ uống và thuốc lá (+5,85%); thiết bị và đồ dùng gia đình (+5,31%); văn hóa giải trí và du lịch (+3,71%); thuốc và dịch vụ y tế (+0,88%). Bên cạnh đó, so với bình quân cùng kỳ, nhóm giao thông (-7,40%); bưu chính viễn thông (-0,41%) so cùng kỳ năm trước.

5.2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá vàng giảm 0,32% so với tháng trước, giá vàng 99,99% tư nhân trong tháng 7 năm 2023 dao động 5.550 - 5.650 nghìn đồng/1chỉ, bình quân 5.586 nghìn đồng/1 chỉ, tức bình quân giảm 18 nghìn đồng/1chỉ.

Giá đô la Mỹ ngoại thương chuyển khoản tháng 7 năm 2023 dao động từ 2.368 - 2.392 nghìn đồng/100USD, bình quân 2.378,1 nghìn đồng/100USD, bình quân trong tháng giá đô la Mỹ tăng 12,2 nghìn đồng/100USD, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,52% so với tháng trước.

Bình quân trong 7 tháng năm 2023, chỉ số giá vàng tăng 1,40%; chỉ số giá đô la Mỹ tăng 2,65% so với bình quân cùng kỳ năm trước

6. Hoạt động ngân hàng

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ nhằm cân bằng giữa tăng trưởng và lạm phát, tỷ giá và lãi suất; chính sách tiền tệ và tài khoá; giữa tình hình bên trong và bên ngoài trong bối cảnh dư địa chính sách tiền tệ hạn hẹp; thị trường tiền tệ, ngoại hối thường chịu tác động của tâm lý kỳ vọng; khó khăn sau đại dịch vẫn còn hiện hữu... buộc ngành Ngân Hàng phải tìm nhiều giải pháp để tiếp tục hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sớm hồi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

6.1. Mặt bằng lãi xuất huy động và cho vay

Lãi suất huy động và lãi suất cho vay trên địa bàn trong tháng 7/2023 phổ biến ở mức cụ thể như sau:

- *Lãi suất huy động VNĐ*: tiền gửi không kỳ hạn và dưới 01 tháng phổ biến ở mức từ 0,1% - 0,5%/năm; kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 6 tháng, lãi suất tối đa được các ngân hàng giảm về mức 4,75%/năm; kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng ở mức 6% - 7%/năm; từ trên 12 tháng ở mức 6,5% - 7,5%/năm.

- *Lãi suất cho vay VNĐ*: Lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 7,5 - 9,5%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa VNĐ đối với các lĩnh vực ưu tiên là 4%/năm; Lãi suất cho vay trung dài hạn phổ biến ở mức khoảng 10% - 12%/năm.

6.2. Tình hình hoạt động huy động vốn

Đến cuối tháng 6/2023, tổng huy động vốn của các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn đạt 178.884 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng 5/2023, tăng 3,9% so với cuối năm 2022. Tiền gửi VNĐ đạt 174.310 tỷ đồng, chiếm 97,4% tổng nguồn vốn, tăng 1,4% so với tháng trước; tiền gửi ngoại tệ đạt 4.574 tỷ đồng, chiếm 2,6% tổng nguồn vốn, giảm 0,2% so với tháng trước. Tiền gửi tiết kiệm đạt 115.655 tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước; tiền gửi thanh toán đạt 63.229 tỷ đồng, tăng 2,8% so với tháng trước.

Ước đến cuối tháng 7/2023, tổng huy động vốn của các TCTD trên địa bàn đạt 180.000 tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 4,6% so với cuối năm 2022. Tiền gửi VNĐ đạt 175.000 tỷ đồng, chiếm 97,2% tổng nguồn vốn, tăng 0,4% so với tháng trước, tăng 4,8% so với tháng 12/2022; tiền gửi ngoại tệ đạt 5.000 tỷ đồng, chiếm 2,8% tổng nguồn vốn, tăng 9,3% so với tháng trước nhưng giảm 2,2% so với tháng 12/2022. Tiền gửi tiết kiệm đạt 116.500 tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước, tăng gần 7,0% so với tháng 12/2022; tiền gửi thanh toán đạt 63.500 tỷ đồng, tăng lần lượt 0,4% so với tháng trước và so với tháng 12/2022.

6.3. Hoạt động cho vay trên địa bàn

Tính đến cuối tháng 6/2023, dư nợ các thành phần kinh tế trên địa bàn đạt 210.525 tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước, tăng 0,65% so với cuối năm 2022. Dư nợ cho vay bằng đồng Việt Nam đạt 204.287 tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 0,2% so với tháng 12/2022; dư nợ ngoại tệ đạt 6.238 tỷ đồng, tăng 7,4% so với tháng trước và tăng 16,1% so với tháng 12/2022. Dư nợ trung dài hạn đạt 116.589 tỷ đồng, chiếm 55,4% tổng dư nợ, giảm 2,3% so với tháng 12/2022; dư nợ ngắn hạn đạt 93.936 tỷ đồng, chiếm 44,6% tổng dư nợ, tăng lần lượt 2,3% và 4,5% so với tháng trước và so với tháng 12/2022.

Ước đến cuối tháng 7/2023, dư nợ các thành phần kinh tế trên địa bàn đạt 212.500 tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 1,6% so với tháng 12/2022. Dư nợ cho vay bằng đồng Việt Nam đạt 206.000 tỷ đồng, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 1,1% so với tháng 12/2022; dư nợ ngoại tệ đạt 6.500 tỷ đồng, tăng 4,2% so với tháng trước, tăng 21,0% so với tháng 12/2022. Dư nợ trung dài hạn đạt 117.500 tỷ đồng, chiếm 55,3% tổng dư nợ, tăng 0,8% so với tháng trước và giảm 1,5% so với tháng 12/2022; dư nợ ngắn hạn đạt 95.000 tỷ đồng, chiếm 44,7% tổng dư nợ, tăng lần lượt 1,1% và 5,7% so với tháng trước và so với tháng 12/2022.

7. Ngân sách nhà nước

Việc tiếp tục giải quyết các chính sách miễn, giảm thuế để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh sau đại dịch và các chính sách mới được ban hành trong năm 2023 là một trong những nguyên nhân chính làm giảm nguồn thu trong 7 tháng năm 2023. Bên cạnh đó, tình hình kinh tế khó khăn dẫn đến

nhu cầu tiêu dùng trong dân bị cắt giảm, một số ngành hàng chịu thuế suất cao sụt giảm doanh thu đáng kể làm ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước, trong khi đó các khoản chi vẫn phải đảm bảo nhằm khôi phục, phát triển kinh tế và đảm bảo chính sách an sinh xã hội.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn sơ bộ đến 20/7/2023 đạt 11.121 tỷ đồng, giảm 25,7% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó, thu ngân sách trung ương đạt 3.077 tỷ đồng, thu ngân sách địa phương đạt 8.044 tỷ đồng. Trong tổng thu ngân sách nhà nước, hoạt động thu nội địa tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu (84,4%) và là cơ sở để thực hiện cân đối các nguồn chi trong năm. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cũng như giải quyết các chế độ, chính sách sau đại dịch đã tác động trực tiếp đến nguồn thu này, hầu hết các khoản mục thu đều giảm sâu, điển hình như khoản thu về nhà, đất (giảm 43%) do thực hiện Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch covid-19. Một số khoản thu về Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế Thu nhập cá nhân cũng bị ảnh hưởng khá lớn khi nhu cầu tiêu dùng các loại mặt hàng như bia, thuốc lá...giảm mạnh trong khi chi phí nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng cao làm giảm lợi nhuận dẫn đến số thuế phải nộp vào ngân sách giảm.

Hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đã tác động trực tiếp đến nguồn thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu. Nếu tính cùng thời điểm năm 2022 (từ ngày 1/1 đến 20/7/2022) tổng thu cân đối hoạt động xuất, nhập khẩu trên địa bàn đạt xấp xỉ 3.052 tỷ đồng thì năm 2023 khoản thu này chỉ đạt 1.405 tỷ đồng, giảm gần 54,0% tương đương giảm 1.647 tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn sơ bộ đến 20/07/2023 đạt 15.148 tỷ đồng, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 5.547 tỷ đồng, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2022. Hoạt động chi thường xuyên đạt 9.580 tỷ đồng, tăng 5,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chi cho quốc phòng đạt mức tăng khá cao, tăng 13,1% với tỷ trọng chiếm gần 23,2% trong tổng chi ngân sách; chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo, dạy nghề tăng 11,0%; chi sự nghiệp kinh tế tăng 19,5%... Riêng các khoản chi khác trong 7 tháng năm 2023 chỉ bằng 46,3% so với cùng kỳ do Thành phố siết chặt các khoản chi chưa cần thiết để tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ chính, cấp thiết.

8. Đầu tư

Xác định giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị quan trọng, có ý nghĩa và vai trò to lớn trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025 và các mục tiêu đầu tư công đến năm 2025, nên ngay tại kỳ họp Hội đồng Nhân Dân đầu tháng 7/2023 lãnh đạo UBND thành phố một lần nữa khẳng định: “Thành phố sẽ tập trung triển khai các giải pháp đẩy nhanh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của thành phố. Tập trung đẩy nhanh tiến độ đền bù giải tỏa để bàn giao mặt bằng, tạo điều kiện để đẩy nhanh việc hoàn thành các công trình trọng điểm

trên địa bàn thành phố; tạo “quỹ đất sạch” cho nhà đầu tư sớm thực hiện các dự án tại địa phương”.

Mặc dù tính đến 30 tháng 6 năm 2023 tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công mới đạt 19,3% kế hoạch (thấp hơn mức 30% mục tiêu Thành phố đề ra thời điểm đầu năm 2023). Song, số vốn đầu tư công thực tế thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý đã đạt 36,1% so với kế hoạch vốn được giao (tương đương 2.261 tỷ đồng) và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2022.

8.1. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước

Lũy kế 7 tháng năm 2023, ước vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý là 2.816 tỷ đồng, tăng 6,4% so với cùng kỳ và đạt xấp xỉ 45% so với kế hoạch vốn được giao. Trong đó, ước tính tháng 7/2023 đạt 554,7 tỷ đồng (giảm 4,7% so với cùng kỳ 2022).

Xét theo cơ cấu nguồn vốn, lũy kế 7 tháng năm 2023, khối lượng vốn cân đối ngân sách nhà nước ước đạt 1.961 tỷ đồng; vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu: 177 tỷ đồng và vốn khác: 499 tỷ đồng. Tỷ lệ đạt so với kế hoạch vốn được giao lần lượt là 45,2%; 31,0% và 49,9%.

Một số dự án có khối lượng thực hiện lũy kế từ đầu năm đến nay đạt khá như: dự án Cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước mưa trên địa bàn quận Thanh Khê và Liên Chiểu; Trung tâm phẫu thuật thần kinh, chấn thương và bỏng tạo hình tại Bệnh viện Đà Nẵng; Đầu tư xây dựng Nâng cấp Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng; Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Cẩm Lệ... Bên cạnh đó, vẫn còn các dự án chưa triển khai thực hiện được như dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm dữ liệu Đà Nẵng thuộc Đề án xây dựng thành phố thông minh; Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt thành phố Đà Nẵng; Đường ven biển nối Cảng Liên Chiểu; Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng... Nguyên nhân chủ yếu do các vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng và hoàn thành thủ tục khởi công dự án.

Đặc biệt, hiện nay đối với một số dự án được phân bổ vốn từ nguồn ngân sách trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội vẫn chưa hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư, trình phê duyệt dự án đầu tư, cụ thể gồm: dự án Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Đà Nẵng (40 tỷ đồng); dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (101,25 tỷ đồng) và dự án Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) thành phố Đà Nẵng (21,75 tỷ đồng).

Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2023 trong bối cảnh thuận lợi, khó khăn đan xen, Thành phố đã đưa ra nhiều biện pháp, cụ thể như: yêu cầu các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án lập kế hoạch chi tiết, giám sát tiến độ triển khai và báo cáo định kỳ để kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh khi tổ chức thực hiện dự án; hội đồng giải phóng mặt bằng các quận, huyện tập trung đẩy nhanh tiến độ đền bù giải tỏa và có kế hoạch đền bù giải tỏa bàn giao mặt bằng phù hợp với tiến độ thi công của nhà thầu; các đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ trong xử lý các hồ sơ, thủ tục và đồng thời tăng cường rà soát, nâng cao hiệu quả về thời gian trong quy trình lập quy hoạch, trình thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch chi tiết dự án...nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công trong những tháng còn lại của năm 2023.

8.2. Thu hút đầu tư trong và ngoài nước

Thu hút đầu tư trong nước, tính đến 15/7/2023, thành phố đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 14 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm 39.674 tỷ đồng, giảm 30% số dự án nhưng gấp 5,3 lần tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, có 08 dự án nằm ngoài KCN, KCNC với tổng vốn đăng ký 38.508 tỷ đồng và 6 dự án trong KCN, KCNC với tổng vốn 1.166 tỷ đồng. Tính riêng trong tháng 7 năm 2023 (từ 16/6-15/7) có 2 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt 2.917 tỷ đồng và 2 dự án này đều nằm ngoài KCN, KCNC.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tính từ 16/6 đến 15/7/2023, phát sinh 09 dự án FDI được cấp mới, vốn đăng ký 1,4 triệu USD; 01 dự án điều chỉnh vốn, phần vốn tăng thêm 0,09 triệu USD. Lũy kế từ đầu năm đến 15/7/2023, toàn thành phố có 70 dự án FDI được cấp mới chứng nhận tăng 45 dự án so với cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên số vốn đăng ký chỉ đạt 10,7 triệu USD, bằng 15,9% so với cùng kỳ; có 18 lượt nhà đầu tư nước ngoài góp vốn mua cổ phần, phần vốn góp đạt 2,77 triệu USD; 19 dự án xin điều chỉnh vốn, phần vốn điều chỉnh tăng thêm 19,6 triệu USD; có 2 dự án điều chỉnh giảm với số vốn giảm 5,55 triệu USD. Tính chung 7 tháng, tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm, bao gồm cả vốn góp mua cổ phần của khu vực FDI đạt 27,5 triệu USD, chỉ bằng 25,8% so với cùng kỳ năm 2022. Mặc dù số dự án FDI trong 7 tháng tăng khá cao so với năm 2022, song số vốn đăng ký đầu tư giảm khá sâu (chỉ đạt 25,8% so với cùng kỳ). Quốc gia đăng ký đầu tư chủ yếu đến từ Hàn Quốc, Nhật Bản với nhóm ngành đầu tư tập trung cho lĩnh vực công nghệ thông tin, nhà hàng, dịch vụ tư vấn...). Sự sụt giảm khá sâu tổng vốn đầu tư FDI đã phần nào phản ánh chân thực bức tranh kinh tế - xã hội hiện nay toàn cầu đang phải đối mặt.

8.3. Tình hình triển khai một số công trình trọng điểm

- *Trung tâm Y tế quận Thanh Khê (giai đoạn 1)*: Với tổng mức đầu tư là 398 tỷ đồng, tính đến cuối tháng báo cáo dự án ước đạt 109,1 tỷ đồng, tương đương 27,4% tổng mức đầu tư. Trong đó, gói thầu Cải tạo di dời chuyển đổi các khoa chức năng đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng và gói thầu xây lắp Khối nhà và hạ tầng kỹ thuật dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 3/2024. Đây là một trong các công trình y tế trên địa bàn thành phố luôn được chú trọng, đảm bảo tiến độ nhằm đưa vào sử dụng đúng kế hoạch để góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- *Dự án Trung tâm công nghệ sinh học kết hợp cơ sở nuôi cấy mô tế bào thực vật (giai đoạn 2)*: Theo kế hoạch vốn trong năm 2023, dự án Trung tâm công nghệ sinh học kết hợp cơ sở nuôi cấy mô tế bào thực vật (giai đoạn 2) đã bắt đầu phát sinh khối lượng thực hiện từ tháng 6/2023. Dự án này đã được lựa chọn nhà thầu bổ sung vào đầu năm đối với gói thầu Xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị khối nhà đặt máy AHU và khối thí nghiệm. Việc triển khai đầu tư xây dựng dự án nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho Trung tâm do ảnh hưởng của đường Vành đai phí Tây 2, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển của Trung tâm trong thời gian tới về việc mở

rộng Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng phục vụ nghiên cứu và phát triển vùng Nam Trung Bộ. Ước vốn đầu tư thực hiện đến cuối tháng báo cáo của dự án đạt 50,9% so với tổng mức đầu tư (tương đương 81,2 tỷ đồng).

- *Dự án Nâng cấp, tôn tạo Đài Tưởng niệm thành phố và cải tạo, mở rộng Quảng trường 29 tháng 3*: Công trình Nâng cấp, tôn tạo Đài tưởng niệm thành phố và cải tạo, mở rộng Quảng trường 29-3 được đầu tư với kinh phí 213,1 tỷ đồng và chia thành 3 phân khu, bao gồm phân khu 1 là hạng mục khu vực Đài tưởng niệm, các phân khu 2 và 3 là hạng mục nâng cấp cảnh quan các khu đất xung quanh Tượng đài và cảnh quan Quảng trường. Diện tích đất xây dựng cả 3 phân khu là hơn 100.000 m². Công trình văn hóa này mang nhiều ý nghĩa nhiều ý nghĩa với người dân thành phố. Khối lượng của dự án tính từ khi khởi công đến nay ước thực hiện 21,1 tỷ đồng, đạt 9,9% tổng mức đầu tư.

- *Dự án Doanh trại Hải đội Dân quân thường trực*: Công trình Doanh trại Hải đội dân quân thường trực do Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Đà Nẵng làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư 213,6 tỷ đồng. Đơn vị tư vấn giám sát là Công ty Cổ phần Tư vấn và đầu tư xây dựng ECC; nhà thầu thi công là Công ty Thành an 96. Giá trị vốn đầu tư thực hiện của dự án trong tháng 6/2023: 10,9 tỷ đồng, ước thực hiện trong tháng 7/2023: 9 tỷ đồng. Lũy kế từ khi khởi công đến hết tháng báo cáo, dự kiến khối lượng thực hiện đạt 49,1 tỷ đồng, tương đương 23,0% tổng mức đầu tư.

- *Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Yên (đoạn từ hạ lưu đập An Trạch-cầu sông Yên-ngã ba sông Cẩm Lệ)*: Dự án có tổng chiều dài khoảng hơn 8.100 m được đầu tư từ nguồn ngân sách thành phố, với tổng mức đầu tư hơn 125,5 tỷ đồng. Trong đó, theo kế hoạch vốn năm 2023, dự án được giao 30 tỷ đồng từ nguồn vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu. Mục tiêu đầu tư dự án nhằm chủ động phòng chống lụt bão, ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn chế về thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần bảo vệ môi trường tạo cảnh quan khu vực phát triển đời sống nhân dân và bảo vệ cơ sở hạ tầng khu vực. Tính đến nay, dự án ước thực hiện đạt 7,8 tỷ đồng, bằng 6,2% tổng mức đầu tư.

9. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Nhằm tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hoá ngay từ đầu năm 2023, UBND thành phố đã ban hành một số Kế hoạch triển khai đề án, Chương trình hành động... để thúc đẩy phát triển thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, bảo đảm tăng trưởng bền vững trong dài hạn; khuyến khích doanh nghiệp tham gia mạnh mẽ vào chuỗi sản xuất, cung ứng, phân phối hàng hoá toàn cầu, xuất khẩu trực tiếp vào các mạng phân phối nước ngoài trên cơ sở phát huy thế mạnh và khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh của hàng hoá xuất khẩu địa phương. Tuy nhiên, trước tình hình kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp, lạm phát toàn cầu đã “hạ nhiệt” nhưng vẫn còn ở mức cao, giá năng lượng thế giới tăng cao, chiến sự Nga-U-crai-na với nhiều diễn biến bất ngờ, khó dự đoán đã và đang tiếp tục là rào cản đối với hoạt động xuất, nhập khẩu trong nước nói chung và Thành phố nói riêng.

Ước tính tháng 7/2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hai chiều đạt 250 triệu USD, tăng 2,9% so với tháng trước và bằng 76,9% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu ước đạt 158 triệu USD, tăng 1,8% so với tháng trước và giảm 17,1% so với tháng cùng kỳ; nhập khẩu đạt 92 triệu USD, tăng 4,8% so với tháng trước nhưng chỉ bằng 68,4 cùng kỳ.

Tính chung 7 tháng năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 1.678 triệu USD, giảm 18,4% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa 7 tháng ước đạt 1.059,2 triệu USD, giảm 13,6%; nhập khẩu hàng hóa ước đạt 618,8 triệu USD, giảm 25,5%. Cán cân thương mại hàng hóa 7 tháng tiếp tục duy trì xuất siêu 440,4 triệu USD.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động và giải quyết việc làm

Các đơn vị liên quan phối hợp tổ chức Ngày hội Việc làm cho người lao động tại huyện Hoà Vang năm 2023, với sự tham gia của 105 đơn vị tuyển dụng, tổng lượt vị trí cần tuyển là 5.769 lượt người; kết quả ngày hội có 338 lao động được kết nối giới thiệu việc làm. Tổ chức được 05 phiên giao dịch việc làm; số lượt doanh nghiệp tham gia là 539 đơn vị, tổng số lượt vị trí cần tuyển tại các phiên giao dịch là 31.677 lượt người; đã giải quyết việc làm cho 728 lao động¹. Đối với Chương trình cho vay vốn giải quyết việc làm, hiện nay tổng nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm hiện đang quản lý, điều hành là 3.004,3 tỷ đồng, trong đó cho vay đến tháng 06/2023 là 736,1 tỷ đồng với 10.803 dự án, góp phần giải quyết việc làm cho 10.844 lao động, bình quân mỗi lao động được vay trên 67 triệu đồng. Tổng các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố ước tạo việc làm cho 4.510 lao động; trong đó, có 3.760 vị trí việc làm tăng thêm². Thấm định và có quyết định hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp hàng tháng cho 9.004 trường hợp với số tiền chi trả hơn 195 tỷ đồng.

Về lĩnh vực quản lý và cấp phép lao động là người nước ngoài: tháng 7/2023 đã thực hiện cấp mới 72 giấy phép; cấp lại 9 giấy phép, gia hạn 22 giấy phép, xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động 04 trường hợp; đã chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động là người nước ngoài của 45 doanh nghiệp cho 103 vị trí³.

Về lĩnh vực xuất khẩu lao động: từ đầu năm đến nay đã đưa được 65 người lao động đi làm việc ở nước ngoài tại các thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Hungary (trong đó: lao động có hộ khẩu Đà Nẵng là 15 người).

¹ Tính đến nay, đã tổ chức được tổng 25 phiên giao dịch; số lượt doanh nghiệp tham gia là 2.896 đơn vị, tổng số lượt vị trí cần tuyển là 157.123 lượt người; đã giải quyết được 2.108 lao động có việc làm.

² Trong 6 tháng đầu năm, tổng các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố ước tạo việc làm cho 27.802 lao động; trong đó, có 21.630 vị trí việc làm tăng thêm.

³ Nhà quản lý: 07 người; Giám đốc điều hành: 02 người; Chuyên gia: 74 người; Lao động kỹ thuật: 20 người.

Về lĩnh vực an toàn lao động: tổ chức tập huấn triển khai các quy định về pháp luật lao động và an toàn vệ sinh lao động cho người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Thực hiện chính sách Đền ơn đáp nghĩa và bảo trợ xã hội

2.1. Công tác đền ơn đáp nghĩa

Thành phố thực hiện nhiều chính sách đột phá để chăm lo cho người có công cách mạng. Các hoạt động được triển khai đồng bộ, thường xuyên từ các cấp cơ sở, địa phương trên tinh thần thực hiện đạo lý “uống nước, nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Chuẩn bị công tác phục vụ các hoạt động kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2023; xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ theo Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 02/6/2023 của UBND thành phố.

Tham gia đoàn khảo sát, tìm kiếm hài cốt liệt sĩ tại dãy núi Sơn Gà thuộc xã Hòa Khương và vùng giáp ranh với các xã: Đại Hiệp, Đại Quang, Đại Đồng huyện Đại Lộc theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo 515 từ ngày 21-25/6/2023. Thực hiện giải quyết trợ cấp hằng tháng và 1 lần cho 42 trường hợp người có công với cách mạng; trong đó, trợ cấp hằng tháng 15 trường hợp và trợ cấp 1 lần 27 trường hợp; trợ cấp khó khăn đột xuất cho 15 trường hợp, số tiền 45 triệu đồng.

2.2. Công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội

a) Công tác giảm nghèo

Hướng dẫn các địa phương lập danh sách người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm để Bảo hiểm xã hội cập nhật dữ liệu người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo vào dữ liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; hướng dẫn cung cấp danh sách người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn thành phố để làm cơ sở cho Chi nhánh Ngân hàng CSXH cho vay vốn học sinh, sinh viên. Tổ chức tập huấn công tác giảm nghèo cho cán bộ tổ trưởng Tổ dân phố tại các quận Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn, huyện Hòa Vang.

b) Công tác bảo trợ xã hội

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức tập huấn hướng dẫn cho cán bộ quận, huyện và phường xã về sử dụng hệ thống phần mềm đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố và quy trình tiếp nhận, xử lý 11 thủ tục hành chính cần kết nối liên quan đến lĩnh vực bảo trợ xã hội. Triển khai văn bản về thực hiện giải quyết chính sách về trợ giúp xã hội trực tuyến đối với 09 bộ thủ tục hành chính và 02 nhóm thủ tục hành chính thiết yếu (đăng ký khai tử và hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng bảo trợ xã hội) tại Đề án 06 của Chính phủ. Xây dựng nội dung đề xuất dự án về Xây dựng các mô hình tạo việc làm, tăng thu nhập cho người khuyết tật, người tâm thần, cha mẹ, người chăm sóc trẻ khuyết tật, trẻ tự kỷ, người rối nhiễu tâm trí. Triển khai văn bản về kiện toàn hoạt động các cơ sở trợ giúp xã hội

ngoài công lập trên địa bàn thành phố để hướng dẫn việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn các cơ sở theo quy định tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP và Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH.

Công tác phối hợp xử lý tình trạng người lang thang xin ăn: tổ xử lý thông tin người lang thang xin ăn đã tiếp nhận tập trung 09 đối tượng gồm: 03 đối tượng tâm thần, 03 đối tượng xin ăn, 03 đối tượng lang thang không nơi cư trú.

2.3. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em

Triển khai cho các ngành, địa phương về bảo đảm an toàn phòng, chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước cho trẻ em và báo cáo các vụ việc liên quan. Trên cơ sở số liệu trẻ em có hộ khẩu thường trú tại thành phố Đà Nẵng do Công an thành phố cung cấp, đôn đốc các địa phương thực hiện chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu trẻ em để cập nhật dữ liệu vào phần mềm quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở.

Tổ chức Ngày hội truyền thông với chủ đề “Trẻ em tham gia xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh cho trẻ em” cho 200 trẻ em của các câu lạc bộ quyền trẻ em xã, phường nhằm tuyên truyền phòng, chống xâm hại, bạo lực, phòng ngừa lao động cho trẻ em. Tiếp tục triển khai các hoạt động của dự án “Phòng chống các hình thức lao động trẻ em trong môi trường làm việc độc hại, nguy hiểm” do tổ chức Tầm nhìn thế giới tại Việt Nam tài trợ và dự án Thành phố thân thiện với trẻ em do tổ chức UNICEF tài trợ (Theo đó, phối hợp với Unicef tổ chức hội thảo chương trình làm cha mẹ cho sự phát triển toàn diện trẻ thơ).

Quỹ Bảo trợ trẻ em: phối hợp Hội Bảo trợ phụ nữ và Trẻ em nghèo, bắt hạnh thành phố triển khai khám sàng lọc tim bẩm sinh cho trẻ em do AOGWR tài trợ, theo đó đã tổ chức khám sàng lọc cho 490 trẻ em mầm non và tiểu học quận Hải Châu và huyện Hòa Vang. Phối hợp tổ chức AOGWR hỗ trợ sinh kế cho 13 hội viên phụ nữ nghèo, khó khăn có trẻ em tại huyện Hòa Vang với kinh phí 80 triệu đồng; đồng thời tặng 8 xe bại não trị giá hơn 32 triệu đồng cho trẻ em khuyết tật nặng. Phối hợp Công ty bảo hiểm nhân thọ AIA tổ chức chương trình “Hành trình cuộc sống” năm 2023 trao 56 xe đạp trị giá hơn 100 triệu đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Công tác Bình đẳng giới: tiếp tục tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức về bình đẳng giới trên địa bàn quận Sơn Trà, Hải Châu; tiếp tục duy trì Địa chỉ tin cậy nhà tạm lánh tại cộng đồng tại Trạm y tế phường Hoà Minh.

2.4. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch về tổ chức cuộc thi sáng tác phim ngắn về phòng, chống tệ nạn ma túy trong học đường năm 2023. Lấy ý kiến thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định các nội dung, mức chi và chế độ hỗ trợ công tác dự phòng nghiện, cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (thay thế Nghị quyết số 334/2020/NQ-HĐND). Phối hợp rà soát danh sách đề nghị hỗ trợ người hoàn thành

chương trình cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện tập trung, có thời gian sau cai nghiện đủ 05 năm trở lên không tái nghiện ma túy.

Tháng 7/2023, Cơ sở xã hội Bầu Bàng tiếp nhận 57 học viên vào cai nghiện⁴, giải quyết cho về cộng đồng đúng thời hạn 27 học viên, chấp hành hình phạt tù 06 học viên, hiện Cơ sở đang quản lý, cai nghiện, giáo dục, dạy nghề cho 435 học viên⁵. UBND các xã, phường đã lập hồ sơ cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng cho 30 người, hiện có 49 người đang cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

3. Giáo dục và Đào tạo

Các công việc trọng tâm của ngành Giáo dục thành phố triển khai thực hiện trong tháng 7 năm 2023 là: tổ chức chấm thi và công bố điểm Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023; chấm và công bố kết quả phúc khảo Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT; thi tuyển viên chức giáo viên năm 2023 (Vòng 1). Hướng dẫn phúc khảo bài thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023. Thanh tra công tác chấm thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và phúc khảo Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2023 - 2024. Tổ chức bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa lớp 8, lớp 11 năm học 2023-2024. Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức tập huấn về Luật lao động cho các trung tâm ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống, tư vấn du học. Hội nghị công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2023. Tham gia thi Vòng Khu vực Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ XXIX, năm 2023; bồi dưỡng đội tuyển học sinh tham gia thi chung kết Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ XXIX, năm 2023.

Theo Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) cho biết, kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023, tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT chung của thành phố Đà Nẵng đạt 96,84% (giảm 0,26% so với kết quả chưa phúc khảo năm 2022). Cụ thể, khối THPT đạt 99,51%; khối giáo dục thường xuyên đạt 78,48%; khối THPT tư thục đạt 93,55%.

4. Hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng

4.1. Tình hình dịch bệnh

* *Dịch bệnh Covid-19*: lũy kế từ đầu năm đến ngày 16/07/2023, toàn thành phố ghi nhận 2.754 trường hợp, giảm 98,9% so với cùng kỳ năm 2022 và chưa ghi nhận ca tử vong.

* *Dịch bệnh khác*

- *Sốt xuất huyết (SXH)*: lũy kế từ đầu năm đến ngày 16/07/2023, toàn thành phố ghi nhận 1.600 ca, giảm 56,0% so với cùng kỳ năm 2022. Ổ dịch nhỏ: ghi nhận 74 ổ dịch, giảm 81,2% so với cùng kỳ năm 2022.

- *Tay chân miệng (TCM)*: lũy kế từ đầu năm đến ngày 16/07/2023, toàn thành phố ghi nhận 525 ca, giảm 35,6% so với cùng kỳ năm 2022. Ổ dịch nhỏ: ghi nhận 6 ổ dịch, giảm 33,3% so với cùng kỳ năm 2022. Đã ghi nhận ca mắc TCM độ 2b, chưa ghi nhận ca mắc TCM nặng độ 3 trở lên, chưa ghi nhận tử vong do TCM.

⁴ Trong đó: 08 người cai nghiện tự nguyện.

⁵ trong đó có 403 học viên có Quyết định (có 46 người ngoài thành phố) và 32 học viên không có nơi cư trú ổn định đang chờ Quyết định của Tòa án.

- Các bệnh truyền nhiễm khác: Chưa ghi nhận lây lan, bùng phát thành dịch.

4.2. Công tác tiêm phòng vắc xin Covid - 19

Tính đến ngày 08/7/2023, về cơ bản Đà Nẵng đã triển khai tiêm chủng đảm bảo đạt tỷ lệ bao phủ đối với liều cơ bản cho người từ 12 tuổi trở lên và đang tiếp tục triển khai tiêm mũi nhắc lại cho nhóm đối tượng này và tiêm liều cơ bản cho nhóm trẻ từ 05 đến dưới 12 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Kết quả tiêm chủng các mũi cụ thể như sau:

- Mũi nhắc lại lần 1 (mũi 3) cho người từ 18 tuổi trở lên: 662.134 (đạt 78,9%).
- Mũi nhắc lại lần 2 (mũi 4) các đối tượng chỉ định: 191.867 (đạt 66,5%).
- Mũi nhắc lại lần 1 (mũi 3) cho trẻ từ 12 đến dưới 18 tuổi: 42.437 (đạt 43,1%).
- Trẻ em từ 05 đến dưới 12 tuổi: mũi 1: 88.259 (đạt 68,78%); mũi 2: 48.408 (đạt 37,7%).

4.3. Chương trình tiêm chủng mở rộng

Tính đến ngày 30/6/2023 tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ đạt 37,48%, trong đó các loại vắc xin: BCG đạt tỷ lệ: 47,8%; vắc xin Bạch liệt 3: 36,73%; DTC - VGB - Hib mũi 3: 36,73%; Sởi: 40,07 %; Viêm gan B < 24h: 45,5% ; Phụ nữ có thai được bảo vệ uốn ván UV2: 47%.

4.4. Tình hình khám chữa bệnh

Tháng 6/2023, số lượt khám bệnh là 330.867 lượt; trong đó khám BHYT là 211.586 lượt, chiếm tỷ lệ 63,9%.

Tháng 6/2023, số người bệnh điều trị nội trú là 34.217; trong đó BHYT là 31.738, chiếm tỷ lệ 92,8%.

4.5. Tình hình nhiễm HIV/AIDS

Tình hình nhiễm HIV/AIDS: trong tháng 6/2023, trên địa bàn thành phố phát hiện nhiễm mới 5 trường hợp, bệnh nhân AIDS là 1 trường hợp, tử vong do AIDS là 1 trường hợp. Lũy kế đến tháng 6/2023, trên địa bàn thành phố có 1.865 trường hợp phát hiện nhiễm mới, 877 bệnh nhân AIDS, 489 trường hợp tử vong do AIDS, số người còn sống là 1.376 người.

Tình hình điều trị Methadone: trong tháng, tiếp nhận điều trị 01 bệnh nhân điều trị. Tổng số bệnh nhân đang quản lý cuối kỳ là 273 bệnh nhân.

4.6. Chương trình mục tiêu dân số

Tính đến ngày 30/6/2023: tổng số trẻ sinh ra 6.159 trẻ, trong đó: 3.151 bé trai; tăng 1.063 trẻ so cùng kỳ năm 2022. Tỷ số giới tính: 104,8 bé trai/100 bé gái. Số trẻ sinh 3+ là 273 trẻ, tăng 14 trẻ so cùng kỳ năm 2022; tỷ lệ sinh 3+ là 4,43%.

Tổng các biện pháp tránh thai: 47.930/40.200, đạt 119,2% trong đó: dụng cụ tử cung đạt 5.259/7.200 (đạt 73,0%); 123 ca triệt sản; thuốc cấy đạt 517/700 (đạt 73,9%), thuốc tiêm tránh thai 1.090/1.000 (đạt 109,0%), viên uống tránh thai đạt 9.367/7.300 (đạt 128,3%), bao cao su đạt 31.574/24.000 (đạt 131,6%).

Thực hiện chỉ tiêu kỹ thuật sàng lọc trước sinh, sơ sinh: số phụ nữ mang thai được sàng lọc: 5.443/6.868(người), (đạt 79,24%). Số trẻ em sàng lọc sơ sinh: 5.797/6.159 (trẻ), đạt 94,12%.

5. Văn hóa - Thể thao

5.1. Lĩnh vực văn hóa

Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và thực hiện Đề án “Xây dựng nếp sống văn hóa văn minh đô thị”: tổ chức thành công Hội nghị Tuyên dương, khen thưởng gia đình văn hóa tiêu biểu thành phố Đà Nẵng năm 2023. Tại Hội nghị, đã tuyên dương 56 Gia đình văn hóa tiêu biểu thành phố Đà Nẵng năm 2023, đây là những gia đình có nhiều đóng góp thiết thực trong phong trào xây dựng Gia đình văn hóa, hết mình vì hoạt động cộng đồng. Đây cũng là sự kiện thiết thực, ý nghĩa chào mừng Ngày Gia đình Việt Nam 28/6 và tôn vinh các giá trị gia đình truyền thống tốt đẹp, tuyên dương, động viên các gia đình văn hóa tiêu biểu, góp phần thúc đẩy các phong trào thi đua yêu nước, lan tỏa hình ảnh đẹp của hạnh phúc gia đình từ những việc làm ý nghĩa nhất.

Hoạt động văn hóa - nghệ thuật: tổ chức thành công Lễ hội Pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng (DIFF) 2023 diễn ra 05 đêm kéo dài hơn 01 tháng (02/6 - 08/7/2023) với chủ đề chung “Thế giới không khoảng cách” gửi gắm thông điệp là chiếc cầu nối giúp xóa tan mọi rào cản để mọi người cùng nhau tận hưởng những giá trị nghệ thuật, những nét đẹp văn hóa, cùng nhau hướng đến khát vọng hòa bình, thịnh vượng. Kết quả, đội Pháp đã giành chức vô địch tại Lễ hội năm nay. Tổ chức Lễ Tổng kết và Khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức Lễ hội Pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng 2023 cho 26 tập thể và 18 cá nhân. Bên cạnh đó, hỗ trợ các đơn vị tổ chức nhiều chương trình văn hóa, nghệ thuật sôi động, hấp dẫn thu hút đông đảo khán giả đến xem góp phần tạo nên mùa hè ấn tượng cho thành phố biển; tổ chức các hoạt động theo Kế hoạch tổ chức Lễ hội Việt Nam - Nhật Bản năm 2023.

Nhà hát Trưng Vương phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị được giao; tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng cáo nhằm khai thác tối đa công suất sử dụng của Rạp và làm việc với các đối tác để tăng tần suất hoạt động của Nhà hát và Đoàn ca múa nhạc. Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Dĩnh tham gia tốt Liên hoan “Các trích đoạn hay nghệ thuật truyền thống toàn quốc năm 2023” do Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam tổ chức tại tỉnh Hà Nam, kết quả đạt 02 Huy chương Vàng và 03 Huy chương Bạc cho cá nhân diễn viên tham gia; xây dựng chương trình nhạc “Lạc Thổ” tham gia Cuộc thi “Độc tấu và Hòa tấu nhạc cụ dân tộc toàn quốc - 2023” do Cục Nghệ thuật biểu diễn - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, kết quả đạt 01 Giải Nhì tiết mục hòa tấu “Tổ khúc nhạc Tuồng”, 01 Giải Nhất tiết mục “Độc tấu kèn Sona”. Bên cạnh đó, Nhà hát duy trì các chương trình nghệ thuật định kỳ mang dấu ấn phục vụ nhân dân và du khách như Chương trình nghệ thuật truyền thống Việt Nam “Hồn Việt”; Chương trình “Con đường di sản”; Tuồng xuống phố.

Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh thành phố phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận Hải Châu tiếp tục mở các lớp năng khiếu năm 2023 cho nhiều lứa tuổi; tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ; tăng cường khai thác và quảng bá Rạp Lê Độ. Chuẩn bị tổ chức Chương trình văn nghệ tuyên truyền kết hợp trao quà tình nghĩa với chủ đề “Về thăm mẹ” vào tối ngày 25/7 tại Trung tâm phụng dưỡng người có công với cách mạng; Vũ hội đường phố với chủ đề “Welcome to Da Nang” vào ngày 29/7. Bên cạnh đó, Đội chiếu bóng lưu động thực hiện tốt hoạt động chiếu phim lưu động trên khắp địa bàn thành phố và phục vụ phim hè cho thiếu nhi tại Thư viện KHTH và Rạp Lê Độ. Trong tháng 7, Trung tâm đã thực hiện 26 buổi chiếu thu hút 2.680 lượt người xem.

Thư viện Khoa học Tổng hợp phục vụ gần 81 nghìn lượt đọc, mượn; luân chuyển gần 172 nghìn lượt bao gồm phục vụ bạn đọc tại chỗ, lượt truy cập web, truy cập sách điện tử, tài liệu số, tổ chức sự kiện, luân chuyển cơ sở. Thư viện phối hợp với các đơn vị tổ chức các hoạt động hè phục vụ thiếu nhi như: chiếu phim hè, Chương trình stem bé vui cùng khoa học, hoạt động tiếng anh, Chương trình góc sáng tạo, Chương trình bé là nhà văn nhí, Chương trình Em là nhà sinh vật học nhí.

Di sản văn hoá: triển khai Kế hoạch kiểm kê di tích và Chính lý di tích trên địa bàn thành phố năm 2023; thẩm định các nội dung liên quan đến công tác chỉnh lý hồ sơ di tích, xếp hạng di tích và giải quyết kiến nghị, khiếu nại theo quy định; triển khai Kế hoạch Lễ kỷ niệm 165 năm Đà Nẵng kháng Pháp.

Công tác nghiên cứu, sưu tầm được thực hiện với việc tiếp tục kêu gọi hiến tặng, phục chế tài liệu, hiện vật cho các bảo tàng, tiếp tục chỉnh lý trưng bày các chuyên đề, kiểm kê, bảo quản hiện vật. Hoàn chỉnh bộ hồ sơ xin công nhận Bảo vật Quốc gia cho 03 hiện vật Phù điêu Dân sinh Brahma Mỹ Sơn E1, Phù điêu Apsara Trà Kiệu, Tượng Shiva Mỹ Sơn C1 của Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng là bảo vật quốc gia. Các bảo tàng tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, truyền thông cập nhật tin tức, sự kiện để thu hút khách đến tham quan, duy trì sự kết nối với công chúng trên website và các mạng xã hội, tích cực tổ chức các triển lãm⁶ theo kế hoạch; đón các đoàn ngoại giao văn hóa và tổ chức nhiều hoạt động hè.

Trong tháng, Bảo tàng Điêu khắc Chăm đón 5.000 lượt khách; Bảo tàng Đà Nẵng ước đón 4.570 lượt khách (*trong đó 3.500 lượt khách quốc tế*); Bảo tàng Mỹ thuật đón 4.681 lượt khách (*trong đó 3.410 lượt khách quốc tế*).

5.2. Lĩnh vực thể thao

Hoạt động thể dục thể thao quần chúng: hoạt động thể dục thể thao quần chúng diễn ra sôi nổi, trải đều trên địa bàn thành phố. Hướng dẫn các quận, huyện triển khai kế hoạch Lễ Khai mạc hè, Ngày Olympic trẻ em và Phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng, chống đuối nước năm 2023 nhằm tăng cường công tác tuyên truyền phòng, chống tai nạn thương tích, phòng, chống đuối nước. Trong

⁶ Bảo tàng Điêu khắc Chăm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên tổ chức Triển lãm ảnh chủ đề “Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử, văn hoá và du lịch”; Bảo tàng Mỹ thuật tổ chức triển lãm “Theo Tóc Mây” và Triển lãm “Năng” của nghệ thuật Trúc Chi Việt Nam.

tháng, phối hợp với Liên đoàn Thể dục Việt Nam tổ chức lớp tập huấn gia hạn và cấp bằng mới trọng tài quốc gia, huấn luyện viên quốc gia môn khiêu vũ thể thao và Giải Vô địch trẻ Khiêu vũ thể thao quốc gia và Cúp Khiêu vũ thể thao mở rộng năm 2023; Giải Vô địch Bơi - Lặn trẻ quốc gia năm 2023; Giải Vô địch Thể dục dưỡng sinh và Gala toàn quốc năm 2023; Giải Vô địch Cử tạ trẻ quốc gia năm 2023; Giải Vô địch Bóng ném quốc gia năm 2023; Hội thao ngành Kiểm sát nhân dân "Cúp Bảo Bảo vệ pháp luật" lần thứ XII.

Hoạt động thể dục thể thao thành tích cao: tiếp tục cử và theo dõi các HLV, VĐV tham gia tập trung tập huấn các đội tuyển quốc gia năm 2023. Tính đến hết ngày 14/7/2023, Đoàn thể thao thành phố đạt tổng cộng 118 HCV, 107 HCB, 147 HCD, trong đó, các giải trong nước đạt 100 HCV, 101 HCB, 139 HCD, các giải quốc tế và SEA Games 32 đạt 18 HCV, 6 HCB, 8 HCD. Tổ chức các trận bóng đá Vô địch Quốc gia V-League Night Wolf 2023 và các trận đấu bóng đá thuộc khuôn khổ giải Hạng nhì quốc gia trên sân bóng đá Hòa Xuân. Sau trận đầu tiên của giai đoạn 2 - vòng loại trực tiếp, Câu lạc bộ bóng đá SHB Đà Nẵng tạm thời xếp hạng thứ 4 với 11 điểm.

Các hoạt động khác: tổ chức buổi giao lưu bóng đá với Tàu hải quân Hoa Kỳ; đi thực tế kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho các doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn theo quy định

6. Trật tự an toàn xã hội

6.1. Tình hình cháy, nổ

Từ ngày 15/06/2023 đến ngày 14/07/2023, trên địa bàn thành phố đã xảy ra 06 vụ cháy, không có người chết và người bị thương; giá trị tài sản bị thiệt hại ước tính ban đầu là 22,8 triệu đồng. Số vụ cháy giảm 03 vụ so với tháng trước và giảm 01 vụ so với cùng kỳ năm trước. Xét theo loại cháy: nhà đơn lẻ: 03 vụ; nhà ở kết hợp kinh doanh: 01 vụ; gara xe: 01 vụ; khách sạn (phòng xông hơi): 01 vụ. Xét theo quận, huyện: 02 vụ quận Hải Châu; 01 vụ ở quận Cẩm Lệ, 02 vụ quận Sơn Trà, 01 vụ quận Liên Chiểu.

Cộng dồn từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/07/2023, trên địa bàn thành phố đã xảy ra 51 vụ cháy, tăng 11 vụ so với cùng kỳ năm 2022, không có người chết và bị thương, giá trị thiệt hại ước tính sơ bộ khoảng 77.250,1 triệu đồng, số vụ tăng nên tổng ước tính thiệt hại về tài sản cũng tăng nhiều so với cùng kỳ năm 2022 (chưa kể những giá trị thiệt hại đang còn tiến hành thống kê).

6.2. Tai nạn giao thông

a) *Tai nạn giao thông đường bộ*: từ ngày 15/06/2023 đến ngày 14/07/2023, trên địa bàn thành phố xảy ra 10 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 05 người chết và 07 người bị thương. So với tháng trước: tăng 03 vụ, không tăng không giảm số người chết, tăng 01 số người bị thương. So với cùng kỳ năm 2022: giảm 01 vụ; giảm 02 người chết và giảm 01 người bị thương.

Cộng dồn từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/07/2023, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã xảy ra 32 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 18 người chết và 28 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2022, giảm trên cả 3 tiêu chí: giảm 30 vụ tai nạn; giảm 25 người chết và giảm 16 người bị thương.

b) *Tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy*: từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/07/2023, toàn thành phố không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy, không có biến động so với cùng kỳ năm 2022.

7. Môi trường

Tháng 07/2023, lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý vi phạm hành chính 05 vụ vi phạm môi trường với số tiền xử phạt là 25,5 triệu đồng; giảm 29 số vụ so với tháng 06/2023 và giảm 20 vụ so với tháng 07/2022. Tháng 7/2023 là tháng có số vụ vi phạm môi trường thấp nhất kể từ đầu năm đến nay. Xét theo loại hình vi phạm: vi phạm về an toàn thực phẩm phát hiện và xử lý 02 vụ, số tiền xử phạt là 9,0 triệu đồng; vi phạm về xây dựng, môi trường, đô thị đã phát hiện và xử lý 01 vụ, số tiền xử phạt là 7,0 triệu đồng; vi phạm khác đã phát hiện và xử lý 02 vụ, số tiền xử phạt là 9,5 triệu đồng.

Thời điểm nắng nóng, hoạt động du lịch vào mùa, vì thế công tác bảo đảm an toàn thực phẩm được các đơn vị triển khai quyết liệt. Theo khuyến cáo của các cơ quan chức năng, người dân, du khách nên cẩn trọng, chủ động lựa chọn các dịch vụ ăn uống có đăng ký kinh doanh rõ ràng, có nguồn gốc, xuất xứ.

Lũy kế 07 tháng năm 2023, lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý vi phạm hành chính 171 vụ, tổng số tiền phạt là 1.818,9 triệu đồng, giảm 29 vụ vi phạm, số tiền xử phạt cũng giảm 469,1 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2022.

Trong đó, vi phạm về an toàn thực phẩm 58 vụ với tổng số tiền phạt là 398,3 triệu đồng; 39 vụ vi phạm về xây dựng, môi trường đô thị với tổng tiền phạt là 153,6 triệu đồng và 74 vụ vi phạm khác liên quan đến các lĩnh vực môi trường khác, như: y tế; khai thác tài nguyên, khoáng sản; sản xuất công nghiệp... với tổng số tiền phạt là 1.267,0 triệu đồng.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp;
- Vụ HTTKQG - TCTK (để b/c);
- Thành uỷ, HĐND, UBND TP (để b/c);
- Cục Thống kê 5 thành phố trực thuộc TW;
- Cục thống kê tỉnh Quảng Nam;
- Đơn vị trực thuộc Cục Thống kê;
- Một số Sở, ngành liên quan;
- Lãnh đạo Cục TK;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Văn Vũ

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-CTK ngày 25 tháng 7 năm 2023
của Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng)*

01 Sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15 tháng 7 năm 2023

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)	6.580,18	6.145,66	93,40
Lúa	4.823,02	4.569,96	94,75
Lúa đông xuân	2.526,02	2.438,38	96,53
Lúa mùa	2.297,00	2.131,58	92,80
Các loại cây khác	1.757,16	1.575,70	89,67
Ngô	95,50	87,00	91,10
Khoai lang	112,20	107,00	95,37
Sắn/Khoai mì	26,20	23,20	88,55
Mía	274,00	233,00	85,04
Mè	154,00	166,00	107,79
Lạc	349,00	293,00	83,95
Rau các loại	624,96	550,90	88,15
Đậu	62,20	55,60	89,39
Hoa	59,1	60	101,52

02 Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7 năm 2023

	Đơn vị tính: %		
	Ước tháng 7 năm 2023 so với tháng trước	Ước tháng 7 năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022	Bình quân 7 tháng năm 2023 so với bình quân cùng kỳ năm 2022
Toàn ngành công nghiệp	100,55	101,15	98,48
Khai khoáng	94,78	138,11	156,94
Khai khoáng khác	94,93	138,58	158,82
Công nghiệp chế biến , chế tạo	100,88	100,51	96,92
Sản xuất chế biến thực phẩm	96,94	105,30	110,39
Sản xuất đồ uống	103,99	83,46	117,93
Dệt	102,72	78,56	91,23
Sản xuất trang phục	102,62	102,14	103,71
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	101,93	71,47	92,32
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	80,81	70,48	87,26
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	100,86	106,72	97,41
In, sao chép bản ghi các loại	101,81	134,68	114,00
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	89,61	154,87	95,55
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	102,45	133,01	113,60
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	107,90	106,45	85,42
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	104,02	74,58	73,96
Sản xuất kim loại	99,43	102,04	103,26
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	102,13	89,03	80,06
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	95,89	168,40	132,86
Sản xuất thiết bị điện	98,69	111,93	98,60
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	136,03	225,76	129,25
Sản xuất xe có động cơ	103,60	134,34	127,54
Sản xuất phương tiện vận tải khác	100,37	348,39	141,96
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	100,07	126,56	108,06
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	101,65	58,21	62,10
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	104,10	114,28	121,80
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	98,39	97,96	99,00
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	100,27	116,26	122,58
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	97,31	123,04	127,33
Thoát nước và xử lý nước thải	120,04	94,79	101,02
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	103,66	108,21	116,63

03 Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 7 năm 2023

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 7/2023	Ước tính 7 tháng năm 2023	Tháng 7/2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)	7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)
Đá xây dựng khác	M ³	162.313	1.281.247	138,58	158,82
Thịt cá đông lạnh	Tấn	792	4.027	64,12	57,54
Tôm đông lạnh	Tấn	2.296	13.767	125,71	127,75
Bia các loại	1000 lít	18.317	117.102	105,11	90,06
Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...)	1000 lít	7.600	51.660	81,20	124,30
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m ²	1.936	8.227	63,96	88,12
Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp	Tấn	2	16	54,55	66,73
Bộ quần áo cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	124	823	81,47	75,02
Bộ quần áo cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	1.536	10.907	104,12	106,57
Giày, dép thể thao có mũ bằng da và có đế ngoài	1000 đôi	366	2.297	71,47	92,32
Vỏ bào, dăm gỗ	Tấn	30.000	307.697	70,48	87,26
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhấn)	1000 chiếc	1.900	10.318	94,00	81,36
Hộp và thùng bằng giấy nhấn và bìa nhấn	1000 chiếc	2.020	12.498	110,40	99,01
Báo in	Triệu trang	127	789	111,63	107,22
Sản phẩm in khác	Triệu trang	95	658	163,40	119,74
Sơn và véc ni, tan trong môi trường không chứa nước	Tấn	770	4.678	178,97	94,67
Keo đã điều chế và các chất dính đã được điều chế khác	Tấn	1.033	4.886	99,30	100,57
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Kg	96.124	598.626	97,43	95,27
Cao dán, bông, băng, gạc và các sản phẩm tương tự	Kg	275.778	1.775.936	139,67	116,43
Lốp hơi mới bằng cao su, loại dùng cho xe buýt, xe tải hoặc máy bay	1000 cái	124	704	106,45	85,42
Clanhke xi măng	Tấn	25.600	152.479	53,25	49,74
Xi măng Portland đen	Tấn	77.284	445.270	94,23	83,46
Gạch và gạch khối xây dựng bằng xi măng, bê tông hoặc đá nhân tạo	1000 viên	396	1.973	76,33	82,81
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	37.592	261.380	67,36	76,10
Sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác	Tấn	9.019	57.836	198,96	93,99
Thanh, que sắt hoặc thép không hợp kim, được cán nóng	Tấn	26.860	171.048	91,75	105,67
Cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại	Tấn	636	5.901	89,97	84,86

03 Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 5 năm 2023 (tt)

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 7/2023	Ước tính 7 tháng năm 2023	Tháng 7/2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)	7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)
Thiết bị dùng cho dàn giáo, ván khuôn, vật chống, cột trụ chống hầm lò bằng sắt, thép, nhôm	Tấn	19.427	118.317	86,69	85,07
Bộ phận và các phụ tùng của máy tính	1000 Cái	400.000	2.800.876	189,54	139,06
Động cơ điện một chiều có công suất ≤ 37.5 W	1000 chiếc	25.733	167.834	111,93	98,60
Bộ lọc dầu/xăng dùng cho động cơ đốt trong	Bộ	400.000	2.784.628	103,40	112,81
Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ	Bộ	111.242	697.899	134,34	127,54
Các loại tàu khác	Triệu đồng	24.425	82.830	348,39	141,96
Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	1.276	20.698	73,53	52,09
Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	13.894	117.494	133,65	118,90
Thiết bị câu và bắt cá	Chiếc	495.164	3.568.068	70,70	77,77
Đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người	1000 con	5.717	31.868	31,39	27,48
Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay, tàu vũ trụ	Triệu đồng	30.749	187.012	114,28	121,80
Điện thương phẩm	Triệu KWh	367	2.084	97,96	99,00
Nước uống được	1000 m ³	10.488	68.799	123,04	127,33
Dịch vụ xử lý nước thải	Triệu đồng	2.751	12.637	94,79	101,02
Dịch vụ thu gom rác thải tái chế được	Triệu đồng	28.730	189.425	108,21	116,63

04 Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 6/2023	Ước tính tháng 7/2023	Ước thực hiện 7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2023 so với kế hoạch	7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ 2022
TỔNG SỐ	545.916	554.679	2.815.978	44,96	106,35
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	526.486	533.689	2.712.020	44,76	104,35
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	397.361	388.420	1.960.729	45,22	126,48
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	128.042	121.599	612.460	37,11	72,89
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	44.637	47.229	177.039	30,96	4.870,40
Vốn nước ngoài (ODA)	-	-	-	-	-
Xổ số kiến thiết	6.150	6.500	75.571	49,90	-
Vốn khác	78.338	91.540	498.681	49,86	47,72
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	19.430	20.990	103.958	50,88	212,89
Vốn cân đối ngân sách huyện	19.430	20.990	103.958	50,88	212,89
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	19.000	20.900	82.954	62,30	345,64
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	-	-	-	-	-
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	-	-	-	-	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

05 Doanh thu bán lẻ hàng hóa

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 6/2023	Ước tính tháng 7/2023	Ước thực hiện 7 tháng năm 2023	Tháng 7/2023 so với cùng kỳ năm 2022	7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ 2022
Tổng số	5.814.514	5.973.373	39.408.798	109,07	109,07
Lương thực, thực phẩm	1.467.498	1.494.519	9.657.119	117,04	114,55
Hàng may mặc	284.555	295.680	1.886.889	95,64	94,99
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	950.464	979.842	6.292.428	111,36	123,43
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	182.333	198.281	1.285.307	87,12	116,36
Gỗ và vật liệu xây dựng	522.921	552.972	3.080.463	158,74	124,58
Ô tô các loại	429.808	442.099	3.383.984	77,42	80,10
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	370.379	381.453	2.604.528	102,96	93,28
Xăng, dầu các loại	932.964	955.071	6.604.057	98,44	103,47
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	27.456	28.229	191.068	89,74	123,40
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	148.134	151.368	1.028.665	104,68	110,30
Hàng hóa khác	394.267	393.576	2.707.395	140,79	132,13
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	103.734	100.283	686.894	148,98	136,04

06 Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 6/2023	Ước tính tháng 7/2023	Ước thực hiện 7 tháng năm 2023	Tháng 7/2023 so với cùng kỳ năm 2022	7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ 2022
TỔNG SỐ	10.953.331	11.695.059	72.751.834	121,04	122,00
Tổng mức bán lẻ hàng hóa	5.814.514	5.973.373	39.408.798	109,07	109,07
Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.056.440	2.185.198	12.985.787	130,70	139,52
Doanh thu lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch	540.121	590.298	2.617.664	208,32	170,28
Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác	2.542.257	2.946.190	17.739.585	132,08	123,53

07 Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 6/2023	Ước tính tháng 7/2023	Ước thực hiện 7 tháng năm 2023	Tháng 7/2023 so với tháng trước	Tháng 7/2023 so với tháng cùng kỳ năm 2022	7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	2.056.440	2.185.198	12.985.787	106,26	130,70	139,52
Dịch vụ lưu trú	923.303	1.012.401	5.420.041	109,65	132,44	170,28
Dịch vụ ăn uống	1.133.137	1.172.797	7.565.746	103,50	129,24	123,53
Du lịch lữ hành	540.121	590.298	2.617.664	109,29	208,32	262,83
Dịch vụ tiêu dùng khác	2.542.257	2.946.190	17.739.585	115,89	132,08	134,45

08 Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 7 năm 2023 so với:				Bình quân 7 tháng năm 2023 so với bình quân cùng kỳ năm 2022
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm 2022	Tháng 12 năm 2022	Tháng 6 năm 2023	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	114,19	103,24	101,85	100,37	106,24
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	120,84	103,19	100,54	100,14	105,93
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	120,17	103,83	102,31	100,31	104,25
Thực phẩm	117,61	100,86	99,29	100,18	102,93
Ăn uống ngoài gia đình	124,18	105,44	101,54	100,08	109,17
Đồ uống và thuốc lá	115,32	103,57	101,11	100,39	105,85
May mặc, giày dép và mũ nón	113,82	103,98	101,86	100,00	106,61
Nhà ở và vật liệu xây dựng	115,90	109,34	106,06	100,76	115,60
Thiết bị và đồ dùng gia đình	111,57	102,62	100,88	100,25	105,31
Thuốc và dịch vụ y tế	103,52	100,57	100,06	100,03	100,88
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	102,08	100,00	100,00	100,00	100,01
Giao thông	108,14	88,71	101,35	100,31	92,60
Bưu chính viễn thông	95,92	99,66	98,99	99,81	99,59
Giáo dục	114,13	111,27	99,71	100,00	111,37
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	114,17	111,75	99,63	100,00	111,87
Văn hoá, giải trí và du lịch	102,02	101,72	101,33	100,95	103,71
Hàng hóa và dịch vụ khác	115,79	106,76	104,11	102,25	106,14
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	143,31	104,61	104,65	99,68	101,40
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	102,12	101,33	98,07	100,52	102,65

09 Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải; dịch vụ bưu chính và chuyển phát

Đơn vị tính: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 6/2023	Ước tính tháng 7/2023	Ước thực hiện 7 tháng năm 2023	Tháng 7/2023 so với tháng trước	Tháng 7/2023 so với tháng cùng kỳ năm 2022	7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
TỔNG SỐ	2.819.116	2.856.376	19.467.508	101,32	131,69	131,11
Vận tải hành khách	1.328.225	1.336.210	9.219.988	100,60	161,44	154,17
Đường sắt	25.244	25.957	137.265	102,83	114,33	150,41
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	8.141	7.089	43.053	87,08	443,63	838,81
Đường bộ	96.419	96.455	691.624	100,04	82,77	104,86
Hàng không	1.198.421	1.206.708	8.348.045	100,69	175,68	159,78
Vận tải hàng hóa	561.821	564.926	3.663.342	100,55	93,49	100,11
Đường sắt	7.125	7.007	49.037	98,35	94,94	117,64
Đường biển	1.798	1.805	26.594	100,42	32,73	55,91
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-	-
Đường bộ	552.899	556.114	3.587.712	100,58	94,04	100,50
Hàng không	-	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	834.793	859.156	5.925.527	102,92	131,69	128,68
Dịch vụ bưu chính và chuyển phát	94.277	96.083	658.650	101,92	113,56	109,07

10 Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy

	Thực hiện tháng 6/2023	Ước tính tháng 7/2023	Ước thực hiện 7 tháng năm 2023	Tháng 7/2023 so với tháng trước	Tháng 7/2023 so với tháng cùng kỳ năm 2022	7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
HÀNH KHÁCH						
Vận chuyển (Nghìn HK)	1.954	1.943	14.295	99,43	106,26	115,66
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	56,8	53,8	321,9	94,75	465,91	994,02
Đường bộ	1.898	1.889	13.973	99,57	103,98	113,36
Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	63.017	59.871	444.400	95,01	93,12	109,31
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	340,0	296,1	1.797,7	87,09	462,07	865,35
Đường bộ	62.677	59.575	442.602	95,05	92,75	108,93
HÀNG HÓA						
Vận chuyển (Nghìn tấn)	4.049	4.146	25.761	102,38	105,60	108,52
Đường biển	9	10	127	101,28	37,25	52,68
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-	-
Đường bộ	4.040	4.136	25.634	102,38	106,05	109,09
Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	364.213	368.859	2.497.147	101,28	102,36	106,35
Đường biển	3.533	3.841	48.289	108,72	42,52	54,44
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-	-
Đường bộ	360.681	365.018	2.448.858	101,20	103,90	108,39

11 Trật tự, an toàn xã hội

	Đơn vị tính	Sơ bộ kỳ báo cáo ⁷	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông						
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	10	32	142,86	90,91	51,61
Đường bộ	"	10	32	142,86	90,91	51,61
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người chết	Người	5	18	100,00	71,43	41,86
Đường bộ	"	5	18	100,00	71,43	41,86
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người bị thương	Người	7	28	166,67	87,50	63,64
Đường bộ	"	7	28	166,67	87,50	63,64
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Cháy, nổ						
Số vụ cháy, nổ	Vụ	6	51	66,67	85,71	127,50
Số người chết	Người	-	-	-	-	-
Số người bị thương	"	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại	Triệu đồng	22,80	77.250	25,11	4.560,00	69.375,93

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Công an thành phố Đà Nẵng

⁷ Số liệu kỳ báo cáo tính từ ngày 15/6/2023 đến 14/7/2023

12 Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 7 tháng năm 2023

<i>Đơn vị tính: Triệu đồng; %</i>					
	Số liệu kỳ báo cáo ⁸	Số liệu cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo so với kỳ trước	Cơ cấu kỳ báo cáo	Cơ cấu cùng kỳ năm trước
Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	11.120.968	14.975.828	74,26	100,00	100,00
Thu nội địa	9.382.878	11.714.482	80,10	84,37	78,22
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	714.032	752.431	94,90	6,42	5,02
Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	1.867.722	2.190.925	85,25	16,79	14,63
Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	2.139.431	2.568.176	83,31	19,24	17,15
Thuế thu nhập cá nhân	1.457.789	1.586.686	91,88	13,11	10,59
Thuế bảo vệ môi trường	585.614	825.746	70,92	5,27	5,51
Thu phí, lệ phí	724.006	731.793	98,94	6,51	4,89
Trong đó: Lệ phí trước bạ	426.544	552.262	77,24	3,84	3,69
Các khoản thu về nhà, đất	1.359.222	2.385.432	56,98	12,22	15,93
Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	143.366	114.262	125,47	1,29	0,76
Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	9.868	8.973	109,97	0,09	0,06
Thu khác ngân sách	333.052	503.667	66,13	2,99	3,36
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	548	667	82,18	0,00	0,00
Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của ngân hàng nhà nước	48.227	45.723	105,48	0,43	0,31
Thu về dầu thô	-	-	-	-	-
Thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu	1.405.168	3.051.685	46,05	12,64	20,38
Thu viện trợ	6.163	1.590	387,59	0,06	0,01
Thu khác	326.759	208.071	157,04	2,94	1,39

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng

⁸ Cập nhật từ 01/01/2023 đến 20/7/2023, số liệu cùng kỳ năm 2022 tính từ 01/01/2022 đến 20/7/2022

13 Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn 5 tháng đầu năm 2023

<i>Đơn vị tính: Triệu đồng; %</i>					
	Số liệu kỳ báo cáo ⁹	Số liệu cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo so với kỳ trước	Cơ cấu kỳ báo cáo	Cơ cấu cùng kỳ năm trước
Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	15.148.270	14.551.454	104,10	100,00	100,00
Chi đầu tư phát triển	5.547.274	5.472.666	101,36	36,62	37,61
Chi trả nợ lãi	18.948	43	43890,92	0,13	0,00
Chi thường xuyên	9.580.227	9.076.903	105,55	63,24	62,38
Chi quốc phòng	3.509.141	3.102.613	113,10	23,17	21,32
Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	640.108	671.292	95,35	4,23	4,61
Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề	1.409.454	1.269.604	111,02	9,30	8,72
Chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình	484.310	435.141	111,30	3,20	2,99
Chi khoa học, công nghệ	50.883	57.762	88,09	0,34	0,40
Chi văn hóa, thông tin	97.421	82.799	117,66	0,64	0,57
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	30.117	24.952	120,70	0,20	0,17
Chi thể dục, thể thao	131.817	126.034	104,59	0,87	0,87
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	142.091	108.244	131,27	0,94	0,74
Chi sự nghiệp kinh tế	1.147.285	959.921	119,52	7,57	6,60
Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	1.155.484	1.073.992	107,59	7,63	7,38
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	641.263	860.246	74,54	4,23	5,91
Chi trợ giá mặt hàng chính sách	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Chi khác	140.855	304.303	46,29	0,93	2,09
Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.820	1.820	100,00	0,01	0,01
Chi dự phòng ngân sách	-	-	-	-	-
Các nhiệm vụ chi khác	-	-	-	-	-

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng

⁹ Cập nhật từ 01/01/2023 đến 20/7/2023, số liệu cùng kỳ năm 2022 tính từ 01/01/2022 đến 20/7/2022

14 Hoạt động ngân hàng

<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng; %</i>				
	Thời điểm 30/6/2023	Ước thời điểm 31/7/2023	Tháng 7/2023 so với	
			Tháng trước	Tháng 12/2022
Tổng nguồn huy động	178.884	180.000	100,62	104,55
<i>Phân theo loại tiền</i>				
Đồng Việt Nam	174.310	175.000	100,40	104,75
Ngoại tệ (quy đổi VNĐ)	4.574	5.000	109,31	97,79
<i>Phân theo các hình thức huy động</i>				
Tiền gửi tiết kiệm	115.655	116.500	100,73	106,98
Tiền gửi thanh toán	63.229	63.500	100,43	100,36
Tổng dư nợ cho vay	210.525	212.500	100,94	101,60
<i>Phân theo kỳ hạn</i>				
Dư nợ ngắn hạn	93.936	95.000	101,13	105,72
Dư nợ trung và dài hạn	116.589	117.500	100,78	98,50
<i>Phân theo loại tiền</i>				
Dư nợ bằng VNĐ	204.287	206.000	100,84	101,09
Dư nợ bằng ngoại tệ (quy đổi VNĐ)	6.238	6.500	104,20	120,98

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Đà Nẵng

15 Xuất, nhập khẩu hàng hóa

<i>Đơn vị tính: 1000 USD; %</i>					
	Thực hiện tháng 6 năm 2023	Ước tính tháng 7 năm 2023	Cộng dồn 7 tháng đầu năm 2023	Tháng 7 năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022	7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa	1.428.037	250.000	1.678.037	76,92	81,58
<i>Trong đó:</i>					
Xuất khẩu	901.203	158.000	1.059.203	82,94	86,39
Nhập khẩu	526.834	92.000	618.834	68,39	74,47
Xuất siêu	374.368	66.000	440.368		

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Báo cáo Thống kê xuất, nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

16 Một số chỉ tiêu về khách lưu trú và lữ hành

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 năm 2023	Ước tính tháng 7 năm 2023	Cộng dồn 7 tháng năm 2023	Tháng 7 năm 2023 so với cùng kỳ 2022 (%)	7tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)
Dịch vụ lưu trú						
Lượt khách phục vụ	Lượt khách	742.713	781.782	4.326.501	178,46	210,27
Khách quốc tế	"	188.266	204.570	1.143.747	312,13	773,56
Khách trong nước	"	554.447	577.213	3.182.754	154,94	166,66
Khách ngủ qua đêm	"	506.050	542.374	3.082.173	140,01	177,21
Khách quốc tế	"	188.266	204.570	1.143.747	312,13	773,56
Khách trong nước	"	317.784	337.805	1.938.426	104,96	121,80
Khách nghỉ trong ngày	"	236.663	239.408	1.244.328	472,30	390,97
Khách quốc tế	"					
Khách trong nước	"	236.663	239.408	1.244.328	472,30	390,97
Ngày khách phục vụ (chỉ tính cho khách ngủ qua đêm)	Ngày khách	904.163	979.000	5.392.845	111,10	123,06
Khách quốc tế	"	453.286	502.603	2.594.219	372,84	801,68
Khách trong nước	"	450.877	476.396	2.798.626	63,83	68,96
Số ngày lưu trú bình quân¹⁰	Ngày /lượt	1,79	1,81	1,75	79,35	69,45
Khách quốc tế	"	2,41	2,46	2,27	119,45	103,63
Khách trong nước	"	1,42	1,41	1,44	60,81	56,61
Dịch vụ lữ hành						
Lượt khách du lịch theo tour	Lượt khách	163.669	176.394	820.188	165,30	310,46
Khách quốc tế	"	48.189	50.676	238.917	423,05	1.750,36
Khách trong nước	"	108.590	117.657	547.890	129,43	230,81
Khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài	"	6.889,91	8.061	33.381	210,54	253,65
Ngày khách du lịch theo tour	Ngày khách	412.626	428.142	2.048.773	165,71	306,57
Khách quốc tế	"	210.134	211.752	1.046.902	598,41	2.643,70
Khách trong nước	"	177.804	186.890	878.947	88,74	153,71
Khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài	"	24.688,60	29.500	122.924	238,45	216,14

¹⁰ Chỉ tính cho khách ngủ qua đêm